

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH BẮC GIANG

\* \* \*

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN**

**ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NÂNG CAO QUYỀN  
NĂNG KINH TẾ CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2024**

Bắc Giang, tháng 6 năm 2024





# TẬP HUẤN



## HỖ TRỢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NÂNG CAO QUYỀN NĂNG KINH TẾ CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2024

Bắc Giang, ngày 12-14/6/2024




HƯỚNG DẪN  
NHẬN DIỆN, PHÂN LOẠI  
HỖ TRỢ ỨNG DỤNG  
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
CHO TỔ/NHÓM/HTX






## NỘI DUNG

- Nhận diện tổ/nhóm/HTX phù hợp ứng dụng khoa học công nghệ
- Phân loại tổ/nhóm/HTX phù hợp ứng dụng khoa học công nghệ



ADD A FOOTER



# 1 Nhận diện tổ/nhóm/HTX phù hợp ứng dụng khoa học công nghệ

NỘI DUNG 1



**Các mô hình khởi nghiệp đều trải qua 3 giai đoạn sau**



**Nhận diện  
về  
giai đoạn**

Bắt đầu triển khai  
thực hiện ý tưởng  
theo kế hoạch kinh  
doanh đã lập ra

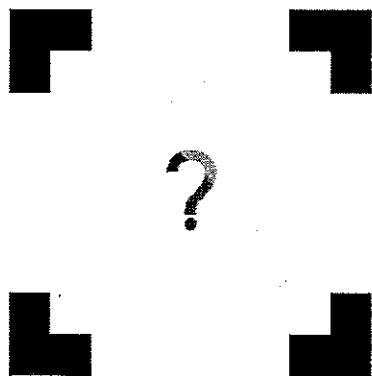
**Thực hiện  
ý tưởng**

Hoàn thiện các tiêu  
chuẩn của sản phẩm,  
của mô hình.  
Phát triển hệ thống  
bán hàng, tài chính.  
Ứng dụng KHCN

**Tăng tốc**

Mở rộng qui mô.  
Tăng cường liên kết.  
Ứng dụng KHCN ở  
mức độ cao.  
Phát triển chiến lược  
sản phẩm tổng thể.

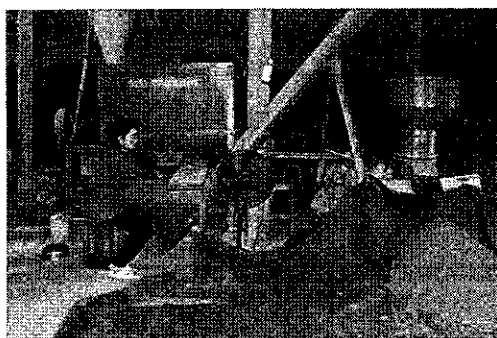
**Cắt cạnh**



**Chọn mô hình khởi nghiệp  
ở giai đoạn nào để tác động**

**Tác động:  
Ứng dụng khoa  
học công nghệ**

## 2 giai đoạn cần được tác động ứng dụng KHCN



HTX Tâm Sen (quảng Bình) tự sản xuất cám heo thảo dược vi sinh

Hoàn thiện các tiêu chuẩn của sản phẩm, của mô hình.  
Phát triển hệ thống bán hàng, tài chính.  
**Ứng dụng KHCN**

**Tăng tốc**

Mở rộng qui mô.  
Tăng cường liên kết.  
**Ứng dụng KHCN ở mức độ cao**  
Phát triển chiến lược sản phẩm tổng thể.

**Cắt cạnh**



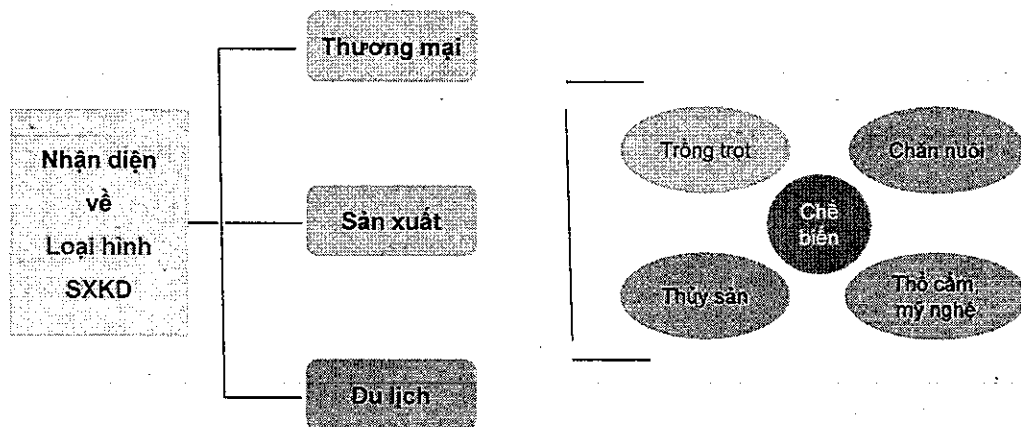
## Bột sữa gạo lứt – Sản phẩm ứng dụng KHCN trong chế biến

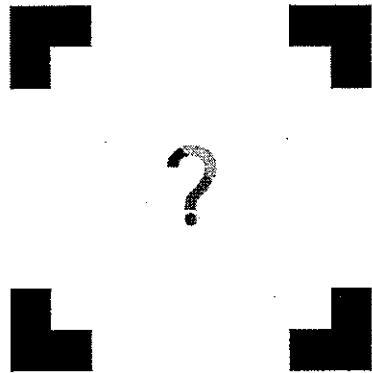


- Ở giai đoạn này, mô hình khởi nghiệp đã hoàn thiện những tiêu chuẩn cơ bản bắt buộc
- Ở giai đoạn này, mô hình khởi nghiệp đã qua được "điểm chết"

### Tại sao lại chọn tác động ứng dụng KHCN ở giai đoạn tăng tốc & cất cánh

### Các mô hình khởi nghiệp có những loại hình sau

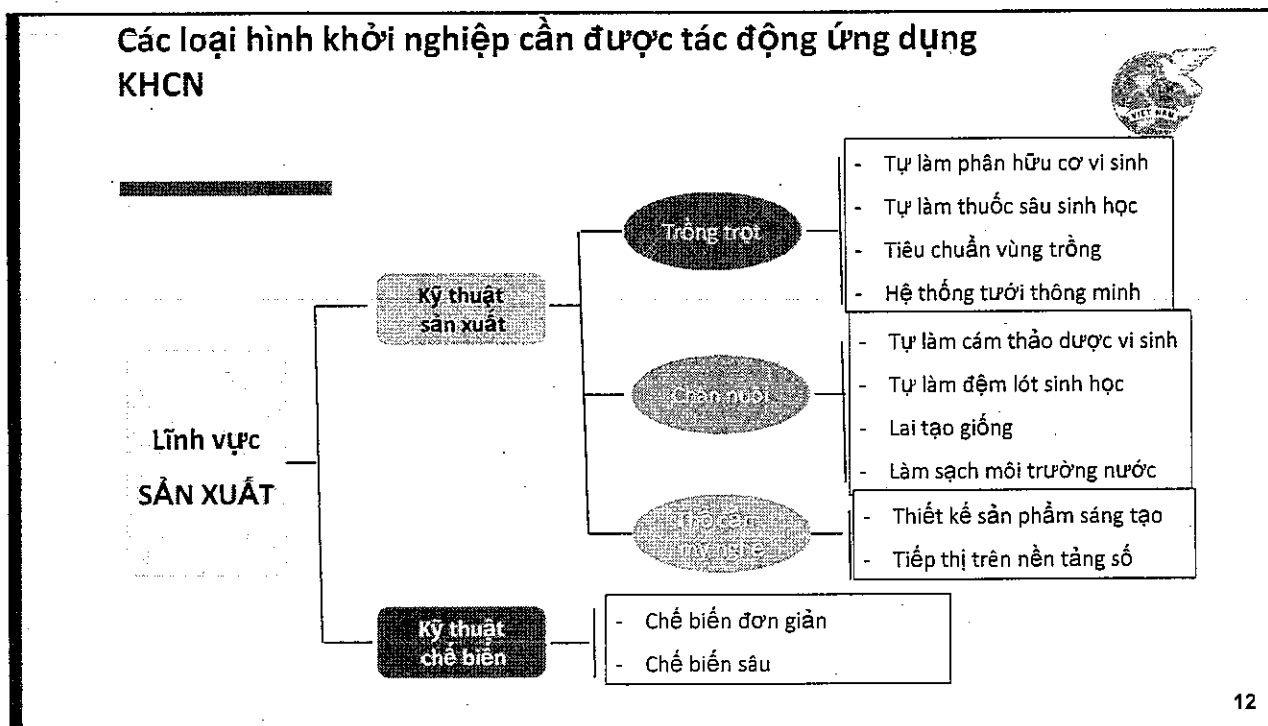




**Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ  
đối với từng loại hình**

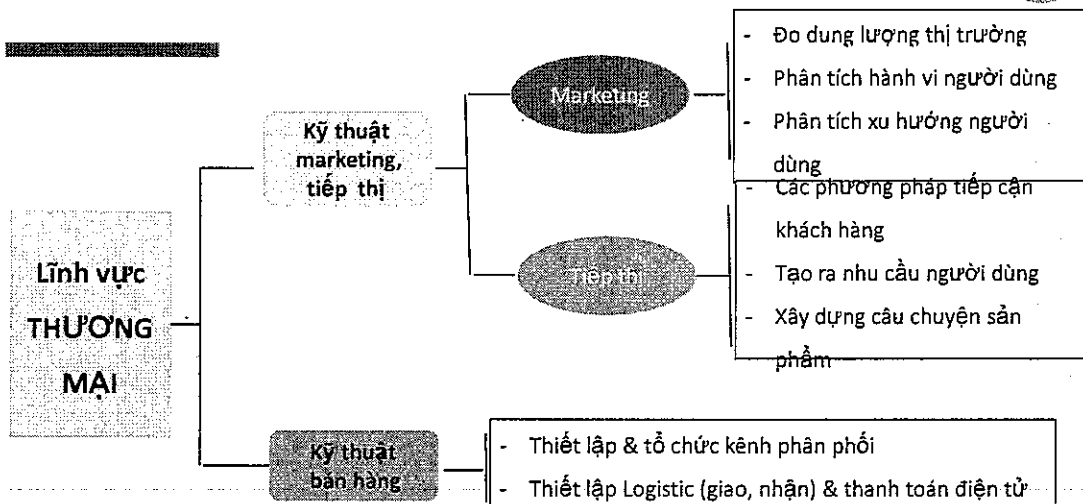
**Tác động:  
Ứng dụng  
khoa học công nghệ**

11

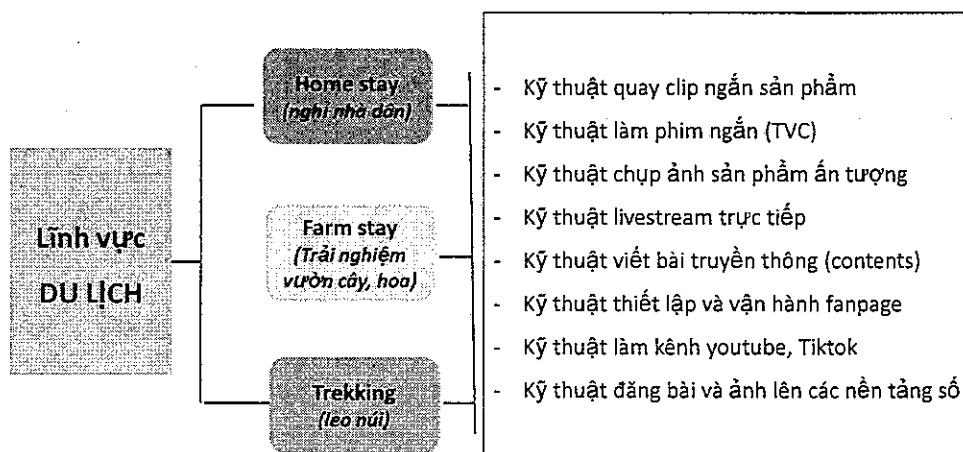




### Các loại hình khởi nghiệp cần được tác động ứng dụng KHCCN



### Các loại hình khởi nghiệp cần được tác động ứng dụng KHCCN





2

## Phân loại tổ/nhóm/HTX phù hợp ứng dụng khoa học công nghệ



NỘI DUNG 2

Các mô hình: Tổ, nhóm, HTX hoạt động qua các lĩnh vực:  
Sản xuất, chế biến, kinh doanh thương mại, dịch vụ



- Sản xuất: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, thủ công mỹ nghệ, thổ cẩm, chế biến.
- Kinh doanh thương mại: Kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp & phi nông nghiệp.
- Dịch vụ: Cung cấp các dịch vụ nông nghiệp & phi nông nghiệp.

16



## TRỒNG TRỌT

TRỒNG TRỌT

### Lĩnh vực SẢN XUẤT

- Trồng rau, trồng cây ăn trái (quả) & trồng cây dược liệu.
- Nên tập trung vào tự vấn về kỹ thuật canh tác.
- Ứng dụng khoa học công nghệ bằng các phương pháp:
  - ✓ Tự làm phân bón hữu cơ vi sinh từ các phụ phẩm nông nghiệp có sẵn tại địa phương và rác thải nhà bếp.
  - ✓ Tự làm thuốc sâu sinh học từ các phụ phẩm nông nghiệp có sẵn tại địa phương
  - ✓ Lắp hệ thống tưới nhỏ giọt vào từng gốc cây ăn quả, từng luống rau.
  - ✓ Trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, theo tiêu chuẩn hữu cơ tự giám sát (PGS), theo tiêu chuẩn GACP

17

## HÌNH ẢNH LÀM PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH



Tất cả Bài viết Mọi người Reels Nhóm Ảnh

Miền Đông Tài Hoan  
26 Tháng 7, 2022

HTX Tài Hoan tập huấn và cung cấp bã dồng giêng ở thành phần hữu cơ phát cho người dân trồng nguyên liệu sạch cho HTX, bà con rất nhiệt tình và phấn khởi đây cũng chính là động lực để Miền Đông Tài Hoan làm ra số tối nhất, chất lượng nhất và mẫu mã bao bì ngày một được nâng cấp hơn. Trong những năm tiếp theo thì sẽ luôn gắn kết với bà con phát triển cây dồng...



👁 20

© Bản quyền

👍 Thích

🗨 Bình luận

Ủ phân hữu cơ vi sinh từ nguồn bã thải sản xuất miến dong tại HTX Tài Hoan (Bắc Kan)

### Làm phân bón hữu cơ từ bã dong giềng, tại Na Rì, Bắc Kan



### Vườn rau tại Mộc Châu bón phân hữu cơ vi sinh tự làm



Đệm lót sinh học làm thành phân hữu cơ vi sinh dùng bón rau

## Thuốc sâu sinh học do nông dân tự làm



21

## CHĂN NUÔI



### Lĩnh vực SẢN XUẤT

- Đại gia súc: Trâu, bò, Ngựa.
- Mô hình này thường là tại các hộ gia đình
- Ứng dụng khoa học công nghệ bằng các phương pháp:
  - ✓ Tự sản xuất thức ăn cho trâu, bò, ngựa bằng phương pháp ủ lên men cỏ voi & thân cây ngô.
  - ✓ Tự làm đệm lót sinh học thay nền chuồng bằng xi măng, hướng tới nông nghiệp tuần hoàn
  - ✓ Đệm lót sinh học được làm từ các phụ phẩm nông nghiệp có sẵn tại địa phương.

22

## CHĂN NUÔI



### Lĩnh vực SẢN XUẤT

- Tiểu gia súc & gia cầm: Heo, Dê, Gà, vịt, ngan, ngỗng.
- Mô hình này thường là tại các hộ gia đình
- Ứng dụng khoa học công nghệ bằng các phương pháp:
  - ✓ Tự sản xuất cám thảo dược vi sinh từ nông sản địa phương.
  - ✓ Tự làm đệm lót sinh học thay nền chuồng bằng xi măng, hướng tới nông nghiệp tuần hoàn
  - ✓ Đệm lót sinh học được làm từ các phụ phẩm nông nghiệp có sẵn tại địa phương.

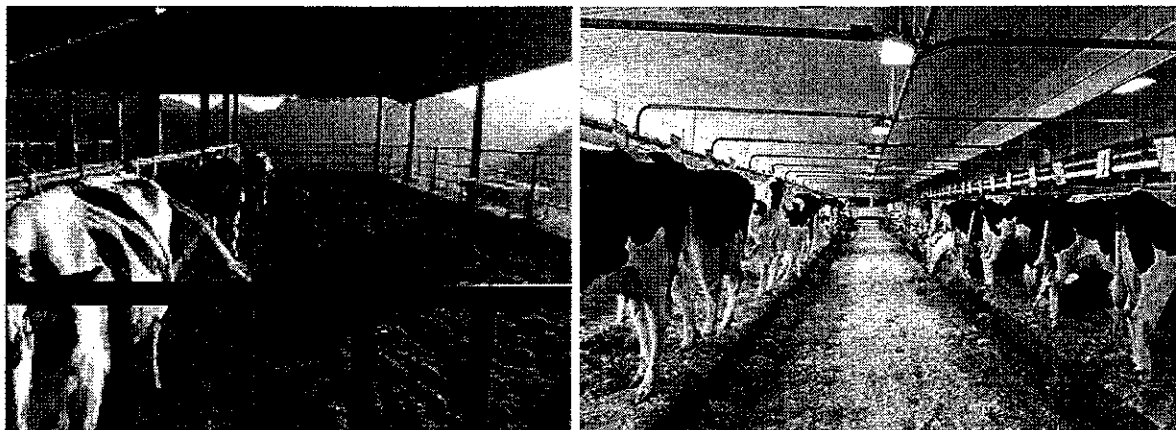
23

## Clip HTX Tâm Sen sản xuất cám Heo thảo dược vi sinh



24

## Sử dụng đệm lót sinh học tại trang trại bò sữa Amifarm (Mộc Châu)



Nền chuồng Bò làm bằng đệm lót sinh học

## CHĂN NUÔI



### Lĩnh vực SẢN XUẤT

- Thủy sản & động vật lưỡng cư: Tôm, cá, ếch, lươn.
- Ứng dụng khoa học công nghệ bằng các phương pháp:
  - ✓ Nuôi Lươn không bùn bằng công nghệ tuần hoàn.
  - ✓ Dùng chế phẩm vi sinh làm sạch môi trường nước trong ao nuôi.
  - ✓ Tự sản xuất cám cho cá, ếch

## CHẾ BIẾN



### Lĩnh vực SẢN XUẤT

- Sơ chế đơn giản: Các phương pháp: Phơi, sấy khô, sấy dẻo.
- Chế biến đơn giản: Các phương pháp: Sấy lạnh, sấy thăng hoa.
- Chế biến sâu: Các phương pháp: Chế biến thành dạng trà túi nhúng, dạng hòa tan, dạng cao lỏng, dạng cao đông khô, dạng viên đông khô, dạng siro, lên men, viên nén, viên nang.

27

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CHẾ BIẾN SÂU CỦA CÁC KHỞI NGHIỆP



Nước tương mật hoa Dừa



Cider mật hoa Dừa

Sản phẩm  
của khởi  
nghiệp  
Sokfarm  
(Trà Vinh)

28





MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CHẾ BIẾN SÂU CỦA CÁC KHỞI NGHIỆP



Bột rau mã sấy lạnh Quảng Thanh



Bột Tía tô sấy lạnh Quảng Thanh

Sản phẩm của khởi nghiệp Quảng Thanh (huyện Củ Chi)



MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CHẾ BIẾN SÂU CỦA CÁC KHỞI NGHIỆP

**BÁNH GAO LỨT MẮM AN SÁNG**

**Công dụng:**  
Đón đầu giữ ẩm, chất đạm, axit, vitamin... hỗ trợ hệ tiêu hoá, giảm cân hiệu quả. Thích hợp làm bữa sáng, bữa phụ tiện lợi cho người có lối sống bận rộn. Phù hợp cho mọi độ tuổi.

Giá  
**90.000đ** /hộp 150G  
**170.000đ** /hộp 300G



Bột rau mã sấy lạnh Quảng Thanh

**COMBO NẤU SỮA HẠT SIÊU HẠT DINH DƯỠNG**

**Thành phần:**  
Miso, óc chó, hạnh nhân, yến mạch, bí xanh, hạt điều.

**Công dụng:**  
Phù hợp với mọi lứa tuổi. Cung cấp chất dinh dưỡng, chất xơ, protein... tốt cho sức khỏe, thuận choy. Hỗ trợ giảm cân. Giúp trẻ em phát triển toàn diện, không lo vấn đề về hormon tăng trưởng tồn dư trong sữa động vật.

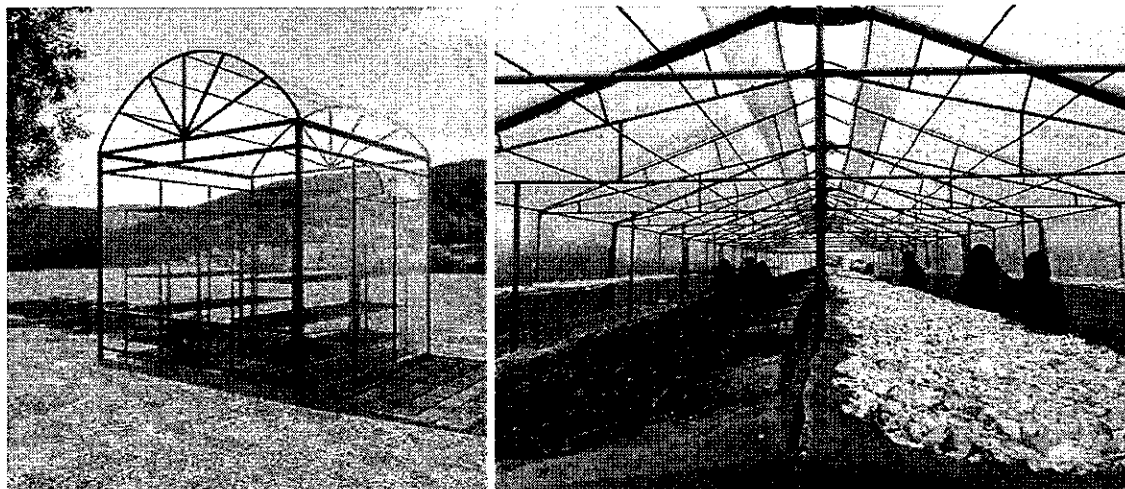
**320.000đ** /hộp 900G



Bột Tía tô sấy lạnh Quảng Thanh

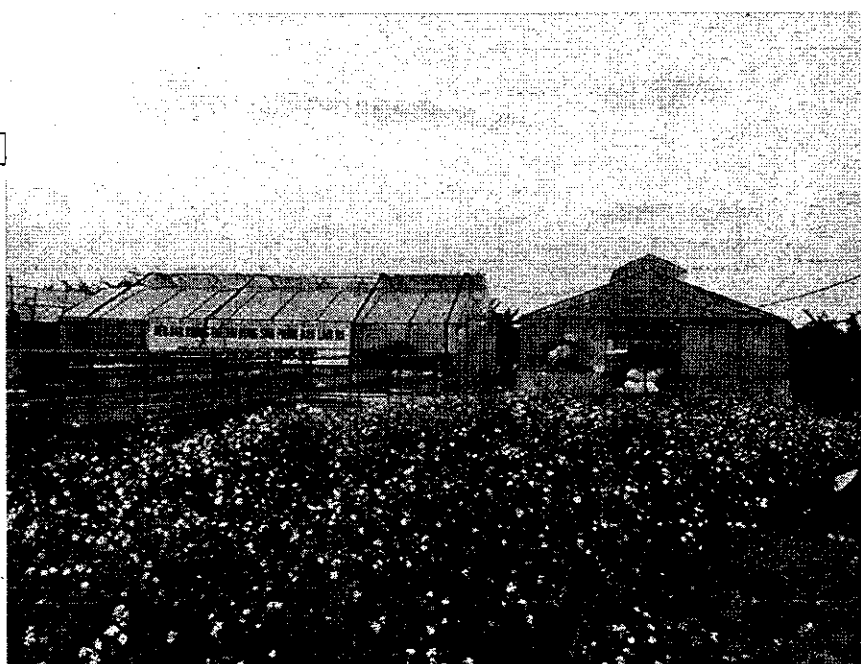
Sản phẩm của khởi nghiệp Bhnong (Quảng Nam)

Nhà phơi sử dụng năng lượng mặt trời



31

Nhà phơi  
sử dụng  
năng  
lượng  
mặt trời



32



# KINH DOANH, THƯƠNG MẠI

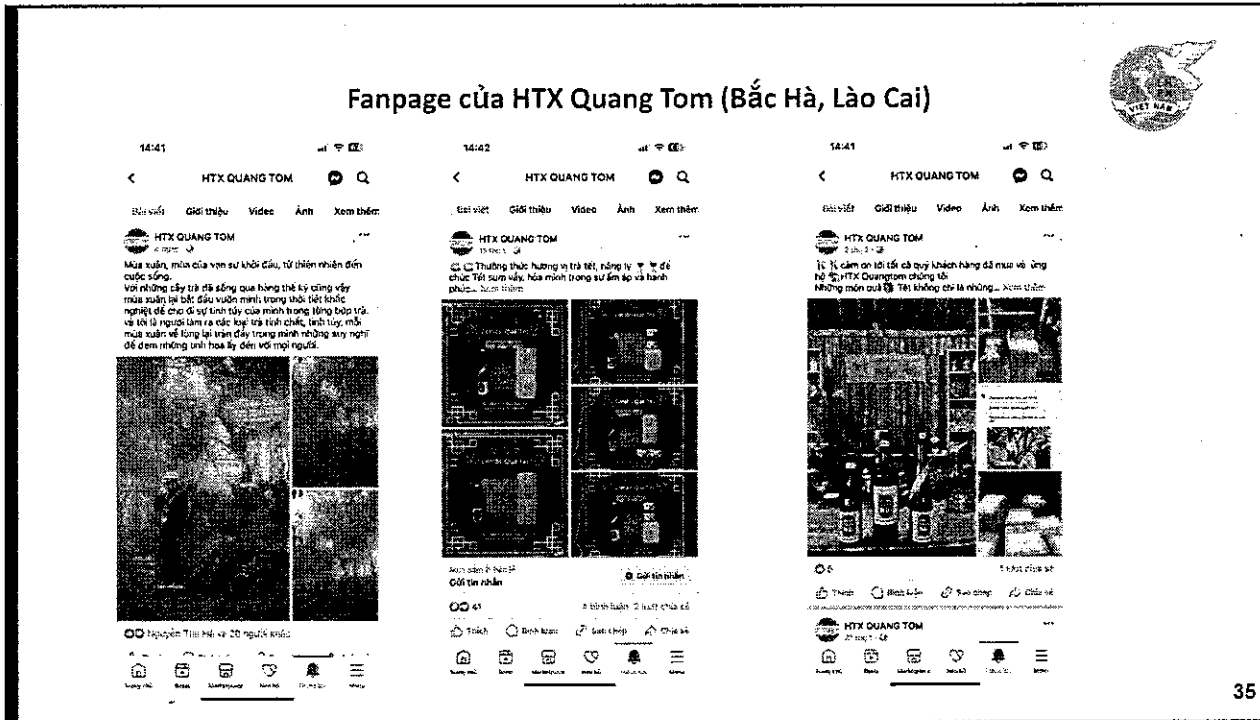
## Lĩnh vực THƯƠNG MẠI

- Bán các sản phẩm: Nông sản, thực phẩm, thảo dược, trái cây, các sản phẩm chế biến, các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ.
- Ứng dụng khoa học công nghệ bằng các phương pháp:
  - ✓ Tạo lập fanpage bán hàng trên facebook
  - ✓ Tạo lập gian hàng thương mại điện tử (TMĐT) trên sàn TMĐT (Shopee, Lazada, tiktok)
  - ✓ Ứng dụng thanh toán điện tử.
  - ✓ Kết nối với các đơn vị giao hàng (logistic)

## Gian hàng online thương hiệu: "Giọt vàng vùng cao" tại sàn thương mại điện tử Shopee



The screenshot shows the Shopee storefront for the brand "Giọt vàng vùng cao". At the top, there is a navigation bar with the Shopee logo, a search bar containing "Giọt vàng vùng cao", and a shopping cart icon. Below the navigation bar, a large banner features the brand's logo and name. A grid of product listings is displayed, including items like "Cà phê Tươi Tươi Nguyên Chất", "Cà phê Tươi Tươi Nguyên Chất", "Cà phê Tươi Tươi Nguyên Chất", "Cà phê Tươi Tươi Nguyên Chất", "Cà phê Tươi Tươi Nguyên Chất", and "Cà phê Tươi Tươi Nguyên Chất". Each listing includes a product image, title, and price. At the bottom of the page, there is a footer with the brand name "Giọt vàng vùng cao" and contact information.



## DU LỊCH

**LĨNH VỰC**

**DỊCH VỤ**

- Các mô hình:
  - ✓ Homestay (trải nghiệm văn hóa địa phương, tối ngủ tại nhà dân);
  - ✓ Farmstay (trải nghiệm vườn cây trong ngày, tối không ngủ lại)
- Ứng dụng khoa học công nghệ bằng các phương pháp:
  - ✓ Truyền thông tiếp thị mô hình (các kỹ thuật chụp ảnh, quay clip, livestream) rồi đăng trên các nền tảng số: Fanpage, Tiktok.
  - ✓ Đặt lịch trực tuyến
  - ✓ Thanh toán trực tuyến



---

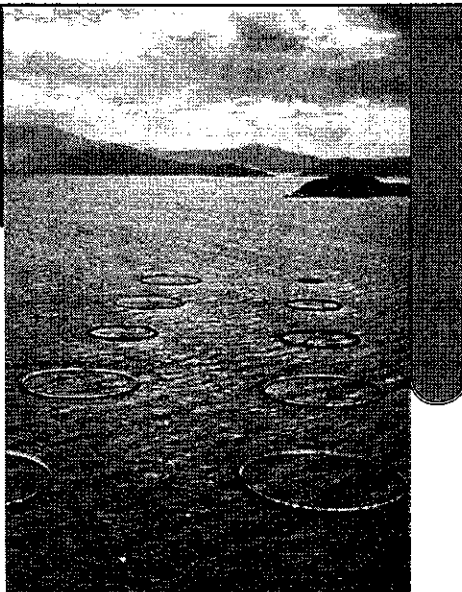
## ÁP DỤNG 6 NỘI DUNG HỖ TRỢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHO TỔ/NHÓM/HTX



## NỘI DUNG

---

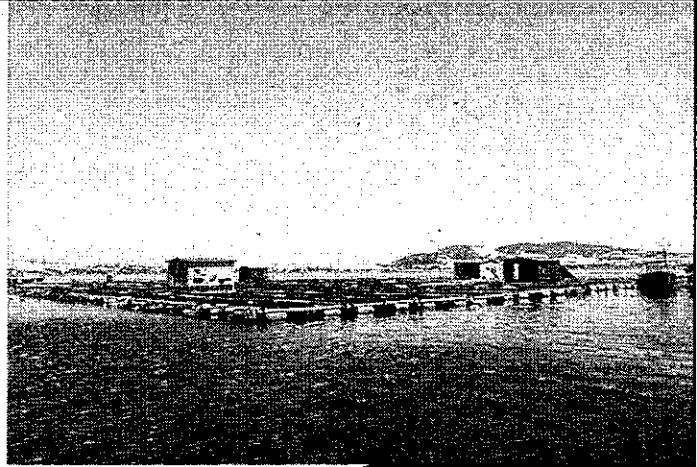
- 6 nội dung hỗ trợ ứng dụng KHCN
- Lựa chọn nội dung hỗ trợ ứng dụng KHCN phù hợp với mô hình.
- Một số lưu ý để tác động tư vấn, hỗ trợ có hiệu quả





1

## 6 nội dung hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ



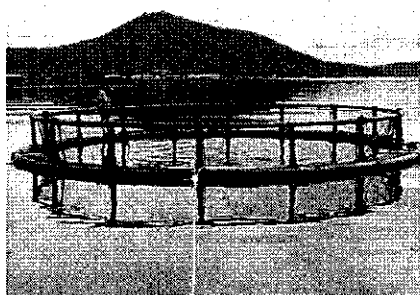
NỘI DUNG 1

## 6 NỘI DUNG HỖ TRỢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ



1. Xây dựng thương hiệu
2. Đăng ký các tiêu chuẩn theo qui định
3. Xây dựng truy suất nguồn gốc sản phẩm và tập huấn về quản lý chất lượng
4. Hỗ trợ tham gia giao dịch thương mại điện tử
5. Giới thiệu và hỗ trợ kết nối với các giải pháp dịch vụ logistic và thanh toán điện tử
6. Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho tổ nhóm.

40



LỰA CHỌN NỘI DUNG HỖ TRỢ ỨNG DỤNG  
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
PHÙ HỢP VỚI MÔ HÌNH

## Nội dung 1: XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU



Nội dung này áp dụng cho tất cả các loại mô hình SXKD ở các lĩnh vực, như:

- Sản xuất:

✓ Nông nghiệp: Là các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Đối với loại hình này thì rất cần xây dựng thương hiệu để tạo lợi thế vùng trồng, chăn nuôi.



✓ Phi nông nghiệp: Là các mô hình sản xuất thủ công, chế tác thủ công mỹ nghệ, đan lát,... Đối với loại hình này thì cần xây dựng thương hiệu thông qua câu chuyện văn hóa bảo tồn & phát huy, có thể đưa thêm yếu tố đổi mới sáng tạo vào để phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng.

## Xây dựng thương hiệu áp dụng đối với sản phẩm thổ cẩm



Clip ngắn  
HTX thổ cẩm  
Thiên An  
(Bắc Kan)  
tự quay  
đăng trên  
Tiktok



43

## Nội dung 1: XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU



- **Chế biến:**

- ✓ Là các HTX, THT có xưởng chế biến. Đối với loại hình này cũng rất cần xây dựng thương hiệu để thuận lợi cho việc chế biến sản phẩm.



- **Kinh doanh thương mại:**

- ✓ Là các mô hình chỉ bán hàng, không sản xuất. Đối với các mô hình dạng này thì cần nhất là xây dựng chiến lược marketing, tiếp thị trên nền tảng số.



- **Du lịch:**

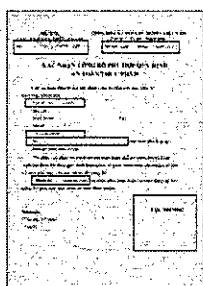
- ✓ Home stay (có nhà nghỉ cho thuê), Farm stay (miệt vườn), Trekking (trải nghiệm đi bộ khám phá). Đối với loại hình này thì cần xây dựng chiến lược marketing, tiếp thị trên nền tảng số.

44





## NỘI DUNG 2: ĐĂNG KÝ CÁC TIÊU CHUẨN THEO QUI ĐỊNH



- Nội dung này áp dụng đối với các mô hình sơ chế, chế biến (nông sản, thực phẩm, trái cây, thảo dược, dược liệu).
  - ✓ Các mô hình chế biến nông sản, như: Các sản phẩm được chế biến từ gạo, ngô, khoai, sắn (mì)
  - ✓ Các mô hình chế biến thực phẩm, như: Các sản phẩm được chế biến từ thịt gia súc, gia cầm, thủy hải sản.
  - ✓ Các mô hình sơ chế, chế biến trái cây, như: Các sản phẩm được sơ chế, chế biến từ trái cây thành dạng sấy dẻo, dạng bột, dạng siro, rượu trái cây,...
  - ✓ Các mô hình sơ chế, chế biến thảo dược, dược liệu như: Các sản phẩm được sơ chế, chế biến từ thảo dược, dược liệu thành các dạng: Túi lọc, dạng bột mịn, dạng cao, dạng hòa tan, dạng viên nén, viên bao phim.

45



## ĐĂNG KÝ CÁC TIÊU CHUẨN THEO QUI ĐỊNH bao gồm:

- Đối với cơ sở, xưởng chế biến:
  - ✓ Cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.
  - ✓ Tiêu chuẩn ISO
  - ✓ Tiêu chuẩn GMP thực phẩm, GMP dược phẩm.
- Đối với sản phẩm:
  - ✓ Kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm
  - ✓ Công bố chất lượng sản phẩm
  - ✓ Quy định ghi tem, nhãn bao bì sản phẩm.

46

### Nội dung 3: XÂY DỰNG TRUY SUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM & TẬP HUẤN VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



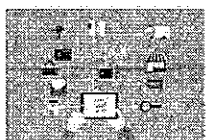
TEM TRUY XUẤT  
NGUỒN GỐC



- **Xây dựng truy suất nguồn gốc sản phẩm:**
  - ✓ Nội dung này áp dụng đối với các mô hình sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản). Cần phải xây dựng truy suất nguồn gốc sản phẩm để minh bạch về qui trình sản xuất tạo ra sản phẩm, đồng thời cũng tạo được điểm khác biệt về lợi thế bản địa, từ đó tạo được lợi thế cạnh tranh.
  - ✓ Nội dung này cũng áp dụng đối với các mô hình sơ chế, chế biến (Nông sản, thực phẩm, trái cây, thảo dược)
- **Tập huấn về quản lý chất lượng:**
  - ✓ Nội dung này áp dụng đối với các mô hình sơ chế, chế biến (nông sản, thực phẩm, trái cây, thảo dược, dược liệu) như đã nêu ở nội dung 2.

47

### Nội dung 4: HỖ TRỢ THAM GIA GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ



- Nội dung này áp dụng đối với các mô hình kinh doanh thương mại rất hiệu quả - Là các mô hình chỉ bán hàng, không sản xuất. Vai trò của các HTX thương mại rất quan trọng, vì họ tập trung chuyên sâu vào việc bán các sản phẩm do các HTX, Tổ nhóm trong tỉnh sản xuất ra.
- Nội dung này cũng áp dụng đối với các mô hình sơ chế, chế biến, để họ chủ động tiếp thị bán hàng khi chưa có các HTX thương mại, hoặc vẫn tiếp thị bán hàng đồng thời với các HTX thương mại.

48



## HỖ TRỢ THAM GIA GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ bao gồm:

Tập huấn  
các kỹ thuật

- Lập fanpage, lập website và các kỹ năng vận hành fanpage, website
- Phương pháp tạo gian hàng điện tử tại sàn thương mại điện tử phù hợp
- Kỹ thuật làm kênh tiktok, youtube, kỹ thuật livestream trực tiếp
- Kỹ thuật chụp ảnh sản phẩm sao cho ấn tượng, hấp dẫn
- Kỹ thuật quay các clip ngắn (ít hơn 1 phút), làm phim ngắn 5 phút
- Kỹ thuật sử dụng zoom để họp đại lý, khách hàng (khi cần)
- Kỹ năng viết bài truyền thông (contents)
- Kỹ thuật đăng bài, ảnh, clip ngắn lên các nền tảng số: Fanpage, website, tiktok
- Phương pháp lập nhóm facebook (nhóm công khai, nhóm kín).
- Phương pháp tạo cộng đồng tiêu dùng bền vững

49

## Nội dung 5: GIỚI THIỆU & HỖ TRỢ KẾT NỐI VỚI CÁC GIẢI PHÁP DỊCH VỤ LOGISTIC & THANH TOÁN ĐIỆN TỬ



- Nội dung này áp dụng đối với các mô hình kinh doanh thương mại rất hiệu quả - Là các mô hình chỉ bán hàng, không sản xuất. Vai trò của các HTX thương mại rất quan trọng, vì họ tập trung chuyên sâu vào việc bán các sản phẩm do các HTX, Tổ nhóm trong tỉnh sản xuất ra.
- Nội dung này cũng áp dụng đối với các mô hình chế biến thực phẩm, trái cây, thảo dược, sản xuất thủ công mỹ nghệ để họ chủ động tiếp thị bán hàng khi chưa hình thành các HTX thương mại, hoặc vẫn tiếp thị bán hàng đồng thời với các HTX thương mại.

50

## GIỚI THIỆU & HỖ TRỢ KẾT NỐI VỚI CÁC GIẢI PHÁP DỊCH VỤ LOGISTIC & THANH TOÁN ĐIỆN TỬ bao gồm:



### Tập huấn các kỹ thuật

- Hiểu rõ về việc vận chuyển hàng (Logistic)
- Hiểu và sử dụng được các ứng dụng thanh toán điện tử

### Hỗ trợ kết nối

- Chọn được đơn vị vận chuyển (giao, nhận) có uy tín, phù hợp với mô hình của HTX, tổ nhóm
- Chọn được ứng dụng thanh toán điện tử phù hợp.

51

## Nội dung 6: TƯ VẤN HỖ TRỢ KỸ THUẬT CHO TỔ, NHÓM



- Nội dung này áp dụng đối với các mô hình tổ nhóm sản xuất, tổ hợp tác của các loại hình sản xuất kinh doanh
- Ở nội dung này, chuyên gia tư vấn hỗ trợ kỹ thuật theo từng lĩnh vực chuyên môn mà tổ nhóm đó hoạt động.

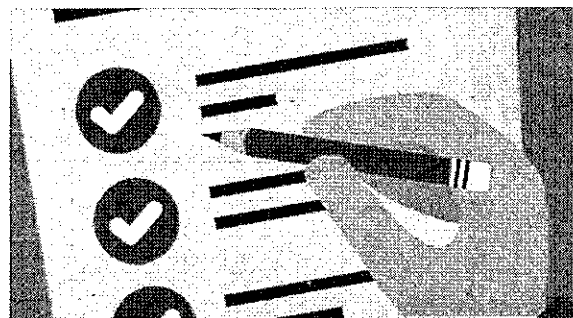


52

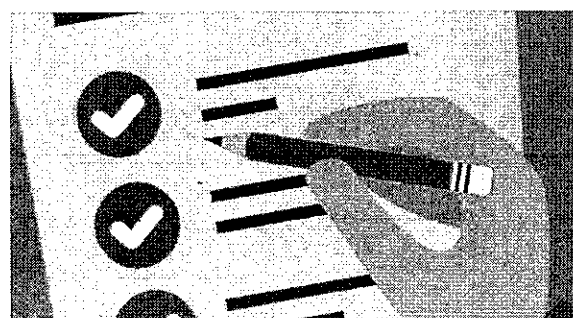
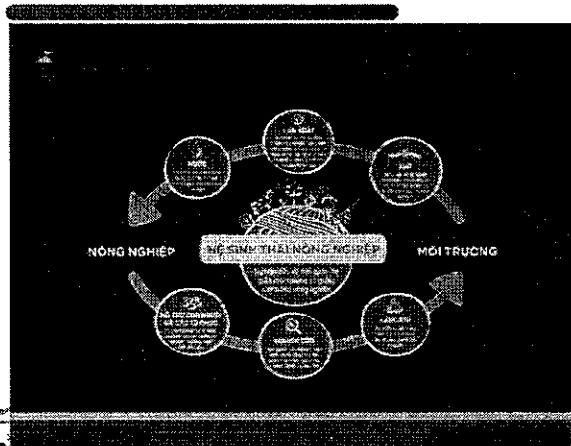


### MỘT SỐ LƯU Ý ĐỂ TÁC ĐỘNG TỰ VẤN HỖ TRỢ CÓ HIỆU QUẢ

- Rất cần có các HTX thương mại, các HTX này có nhiệm vụ: Chỉ tập trung vào marketing, tiếp thị, bán hàng, xúc tiến thương mại các sản phẩm của toàn tỉnh đã đạt tiêu chuẩn lưu hành, đặc biệt là các sản phẩm OCOP
- Thiết lập hệ sinh thái phát triển nông nghiệp bền vững, bao gồm: Các tổ nhóm sản xuất, các HTX chế biến, các HTX thương mại, các HTX dịch vụ (vận chuyển, cung ứng)



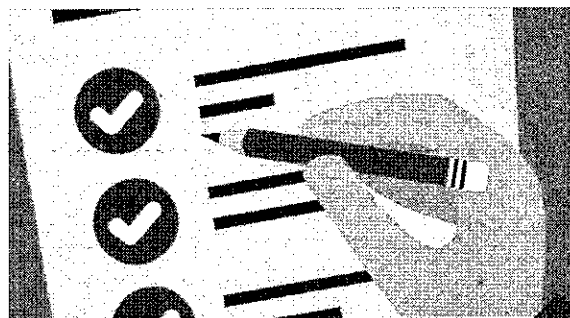
### MỘT SỐ LƯU Ý ĐỂ TÁC ĐỘNG TỰ VẤN HỖ TRỢ CÓ HIỆU QUẢ



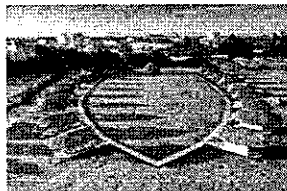
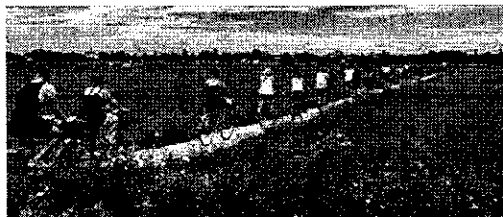
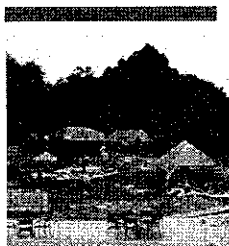


## MỘT SỐ LƯU Ý ĐỂ TÁC ĐỘNG TỰ VẤN HỖ TRỢ CÓ HIỆU QUẢ

- Tự vấn, định hướng chiến lược cho các mô hình SXKD (HTX, tổ/nhóm): Sản xuất theo tiêu chí nông nghiệp xanh, không hóa chất, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải, tích lũy tín chỉ carbon → Đây chính là những lợi thế cạnh tranh của các HTX, tổ nhóm với các công ty khác ngoài thị trường.



## MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GẮN VỚI DU LỊCH TRẢI NGHIỆM





## BÀI TẬP THỰC HÀNH TÌNH HUỐNG THỰC TẾ

-----

### THT A nuôi 50 thùng ong

Mục tiêu:

- Bán thùng ong giống cho những người muốn nuôi ong
- Bán lẻ mật ong cho người tiêu dùng
- Bán sỉ mật ong cho HTX B.
- HTX B chiết rót, chế biến, đóng gói mật ong đa dạng để bán lẻ.

Câu hỏi:

- Nhận diện, phân loại THT A thuộc loại hình nào ?
- Đề xuất hỗ trợ KHCN những mục nào cho THT A ? Nêu chi tiết hỗ trợ
- Nhận diện, phân loại HTX B thuộc loại hình nào ?
- Đề xuất hỗ trợ KHCN những mục nào cho HTX B ? Nêu chi tiết hỗ trợ

Tình huống 1

57



## BÀI TẬP THỰC HÀNH TÌNH HUỐNG THỰC TẾ

-----

### HTX C ký hợp đồng liên kết với 20 hộ dân trồng cây dược liệu

Mục tiêu:

- Mua dược liệu dạng thô của 20 hộ dân để chế biến thành trà túi nhúng
- Bán sỉ, lẻ trà túi nhúng

Câu hỏi:

- Nhận diện, phân loại HTX C thuộc loại hình nào ?
- Đề xuất hỗ trợ KHCN những mục nào cho HTX ? Nêu chi tiết hỗ trợ
- Đề xuất hỗ trợ KHCN những mục nào cho 20 hộ dân trồng dược liệu ?

Tình huống 2

58



## BÀI TẬP THỰC HÀNH TÌNH HUỐNG THỰC TẾ

### Tình huống 3

THT D sản xuất túi xách, ba lô thổ cẩm/thủ công mỹ nghệ

Mục tiêu:

- Bán lẻ túi xách, ba lô thổ cẩm/thủ công mỹ nghệ
- Bán sỉ túi xách, ba lô thổ cẩm/thủ công mỹ nghệ cho HTX E
- HTX E mua ba lô thổ cẩm/thủ công mỹ nghệ về bán lẻ

Câu hỏi:

- Nhận diện, phân loại THT D thuộc loại hình nào ?
- Đề xuất hỗ trợ KHCN những mục nào cho THT D ? Nêu chi tiết hỗ trợ
- Nhận diện, phân loại HTX E thuộc loại hình nào ?
- Đề xuất hỗ trợ KHCN những mục nào cho HTX E ? Nêu chi tiết hỗ trợ

59



## BÀI TẬP THỰC HÀNH TÌNH HUỐNG THỰC TẾ

### Tình huống 4

HTX G làm mô hình du lịch cộng đồng

Mục tiêu:

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ du lịch trải nghiệm cho khách lẻ, khách đoàn
- Bán sỉ gói du lịch (tour) cho Công ty du lịch H
- Công ty du lịch H bán lẻ gói du lịch (tour) cho khách lẻ, khách đoàn

Câu hỏi:

- Nhận diện, phân loại HTX G thuộc loại hình nào ?
- Đề xuất hỗ trợ KHCN những mục nào cho HTX G ? Nêu chi tiết hỗ trợ
- Nhận diện, phân loại Công ty du lịch H thuộc loại hình nào ?
- Công ty du lịch H có được hỗ trợ ửng dụng KHCN không ?

60





# TẬP HUẤN

## HỖ TRỢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NÂNG CAO QUYỀN NĂNG KINH TẾ CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2024



### Các nội dung chính

1. Giới thiệu Bộ công cụ dành cho tổ nhóm, HTX
  1. Giới thiệu về mục tiêu và đối tượng sử dụng bộ công cụ
  2. Tóm tắt hướng dẫn sử dụng
  3. Các mẫu biểu liên quan
  4. Thảo luận, đóng góp ý kiến
2. Giới thiệu Bộ công cụ dành cho các cấp Hội
  1. Giới thiệu, mục tiêu, đối tượng
  2. Tóm tắt hướng dẫn sử dụng
  3. Các mẫu biểu liên quan
  4. Thảo luận – đóng góp ý kiến.

### Cơ sở để xây dựng 02 bộ công cụ

Ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định 1719/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025, trong đó có nội dung về “Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số” thuộc Dự án “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em” giao Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì triển khai, trong đó có hoạt động “Hỗ trợ ứng dụng KHCN để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số” do Ban Hỗ trợ PNPTKT tham mưu chỉ đạo triển khai tại 50 tỉnh thuộc địa phương DA8.

### Bộ công cụ

theo dõi, đánh giá tác động, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ

(Dành cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số)

## MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ

Bộ công cụ nhằm giúp các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ có thể tự theo dõi, đánh giá được quá trình ứng dụng khoa học công nghệ của mình, từ đó có các kiến nghị, đề xuất với Hội LHPN các cấp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ.

## MỤC TIÊU VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG BỘ CÔNG CỤ

- ▶ **Mục tiêu:** Giúp các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã do phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ: Tự theo dõi được quá trình ứng dụng KHCCN; Đánh giá được những thay đổi, tác động, hiệu quả của việc ứng dụng KHCCN của mình, từ đó có các kiến nghị, đề xuất với Hội LHPN các cấp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ.
- ▶ **Đối tượng sử dụng bộ công cụ:** Các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ được hỗ trợ ứng dụng KHCCN trong khuôn khổ dự án 8; Các cán bộ liên quan của Hội LHPN.

## CÁC NỘI DUNG THEO DÕI, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

Các lĩnh vực tự giám sát đánh giá	Các nội dung giám sát đánh giá chính	Lý do/sự cần thiết phải có các nội dung này
<b>Phần A: Cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị</b>	Cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị theo Luật HTX năm 2023, các khó khăn và đề xuất.	Nếu không có cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị tốt thì khó có thể tiếp thu áp dụng các ứng dụng khoa học và công nghệ và tiếp cận các chính sách ưu tiên.
<b>Phần B: Ứng dụng khoa học và công nghệ</b>	Hiện trạng, tiềm năng và tác động của việc ứng dụng khoa học và công nghệ, các khó khăn và đề xuất liên quan.	Căn cứ vào hiện trạng, khó khăn và các đề xuất liên quan, Hội LHPN VN sẽ tổng kết và lập kế hoạch hỗ trợ phù hợp.
<b>Phần C: Các năng lực, kỹ năng liên quan.</b>	Hiện trạng, khó khăn và các đề xuất về nâng cao năng lực và kỹ năng.	Việc áp dụng khoa học và công nghệ sẽ phát huy hiệu quả tối khi có các kỹ năng liên quan (ví dụ kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý, kỹ năng giao tiếp, truyền thông... vv)

## THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

Đánh giá được tiến hành hàng năm, thời gian phù hợp nhất là hoàn trước tháng 9 để Hội LHPN các cấp có thể tổng hợp và trình duyệt kế hoạch hỗ trợ cho năm sau vào tháng 10 hàng năm.

### Tóm tắt phương pháp đánh giá

Tiến trình tự đánh giá có sự tham gia: Để tiến hành đánh giá, ít nhất 02 cán bộ quản lý Tổ nhóm sinh kế, THT/HTX (tổ nhóm) và 3 thành viên sẽ tham gia. Trong trường hợp tổ nhóm có ít hơn 5 thành viên thì toàn bộ tổ nhóm nên tham gia.

Tiến trình:

- ▶ Lãnh đạo tổ nhóm làm rõ mục tiêu và lợi ích của việc tự giám sát và đánh giá việc ứng dụng khoa học và công nghệ của tổ nhóm/THT/HTX mình.
- ▶ Toàn bộ nhóm đánh giá thảo luận, cho điểm từng câu hỏi, hạng mục trên tình thần thống nhất chung.
- ▶ Sau khi hoàn thành xem lại từ đầu để nếu cần có thể bổ sung, chỉnh sửa.
- ▶ Gửi kết quả cho Hội LHPN xã.
- ▶ Lưu một bản đánh giá trong hệ thống tài liệu của đơn vị, để so sánh đối chiếu với bản đánh giá của năm sau nhằm tìm ra các tác động, thay đổi trong việc ứng dụng khoa học công nghệ và có các điều chỉnh phù hợp để việc áp dụng hiệu quả cao hơn.

9

### Tóm tắt phương pháp đánh giá (tiếp)

Một số lưu ý quan trọng cho việc giám sát đánh giá:

- ▶ Bộ mẫu đánh giá chủ yếu sử dụng phương pháp đánh dấu vào ô trống nên sẽ không tốn quá nhiều thời gian của các đơn vị tham gia.
- ▶ Trừ các mẫu A1 và A2 có tách riêng mẫu cho HTX, THT và các tổ nhóm sinh kế/nhóm sản xuất (là các tổ nhóm chưa đăng ký thành lập THT/HTX), còn các mẫu biểu khác đều dùng chung một mẫu.
- ▶ Các thông tin không nhất thiết phải có tính chính xác quá cao nên các đơn vị cố gắng điền đủ thông tin ở mức cao nhất. Trong trường hợp nếu mục nào không thể điền được do chưa có thông tin, ghi vào phần ghi chú là chưa có thông tin.
- ▶ Ghi vào phần ghi chú các vấn đề khác nếu đơn vị mình thấy cần thiết.

## CÁC MẪU ĐÁNH GIÁ

**Phần A: Cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị**

**Phần B: Ứng dụng khoa học công nghệ**

**Phần C: Các năng lực, kỹ năng liên quan.**

*(Cụ thể từng phần có các biểu mẫu chi tiết ở side sau)*

## CÁC MẪU ĐÁNH GIÁ (tiếp)

**Phần B: Ứng dụng khoa học công nghệ (6 mẫu)**

Mẫu B.1: Kết quả đánh giá về Xây dựng thương hiệu

Mẫu B.2: Kết quả đánh giá về Đăng ký các tiêu chuẩn theo quy định

Mẫu B.3: Kết quả đánh giá về Xây dựng truy xuất nguồn gốc

Mẫu B.4: Kết quả đánh giá về Tham gia giao dịch thương mại điện tử

Mẫu B.5: Kết quả đánh giá về Dịch vụ hỗ trợ (logistic) và thanh toán điện tử

Mẫu B.6: Kết quả đánh giá về Áp dụng công nghệ tự động/tự động hóa, công nghệ xanh

## CÁC MẪU ĐÁNH GIÁ (tiếp)

### Phần C: Các năng lực, kỹ năng liên quan (1 mẫu).

- Mẫu C.1: Kết quả đánh giá về Các năng lực, kỹ năng liên quan

13

## 4. Các mẫu – Một vài ví dụ

Mẫu A.1: Các thông tin chung

Tên tổ nhóm/HTX/THI			
Loại hình tổ chức	Tổ nhóm sản xuất	THT	HTX
Thời gian hoạt động	Năm bắt đầu hoạt động	Năm có đăng ký chính thức	Khác/Ghi chú
Số lượng thành viên	Nam	Nữ	Khác
Thuộc địa bàn	Xã/Phường	Huyện/Quận	Tỉnh/Thành phố
Lĩnh vực kinh doanh	Trồng trọt chăn nuôi/Nông lâm ngư nghiệp/chế biến sản phẩm nông nghiệp	Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	Khác (thương mại và dịch vụ, giao thông vận tải, xây dựng, tín dụng ...vv)
Sản phẩm sản xuất kinh doanh chính của đơn vị mình	Sản phẩm 1 (sản phẩm chủ lực chính)	Sản phẩm 2	Sản phẩm 3
Giám đốc/Tổ trưởng	Họ và tên	SĐT	Email (nếu có)
Ngày, tháng, năm tiến hành đánh giá	Ngày	Tháng	Năm

Mẫu A.2: Hiện trạng cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị

#	Các thông tin liên quan	Các lựa chọn phục vụ đánh giá				Chú chú
1	Mục đích cho HTX					
1	Ban quản trị-HĐQT HTX - Giám đốc HTX	1. Có HĐQT	2. Không có HĐQT	3. Có giám đốc kiêm nhiệm	4. Có giám đốc làm việc toàn bộ thời gian	Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ dưới 10 thành viên có thể tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ hoặc tổ chức quản trị rút gọn.
2	Ban kiểm soát HTX- Kế toán HTX	1. Ban kiểm soát chỉ có 1 người	2. Ban kiểm soát có nhiều hơn 1 người	3. Kế toán đi theo kế toán kiểm nhiệm	4. Kế toán toàn bộ thời gian	Tổ chức quản trị rút gọn bao gồm Đại hội thành viên, Giám đốc, kiểm soát viên (không có HĐQT). Giám đốc kiêm nhiệm được hiểu là: • Vừa là Giám đốc vừa là Chủ tịch HĐQT. • Vừa là Giám đốc HTX vừa đảm nhiệm các công việc chính thức khác như giám đốc công ty, giám đốc HTX khác. • Giám đốc HTX tham gia các công việc sản xuất của gia đình thì không coi là kiêm nhiệm.
3	Trụ sở của hợp tác xã	1. Trụ sở là nhà của một thành viên	2. Trụ sở thuê hộ gia đình/đơn vị mà không phải là thành viên HTX	3. Có trụ sở song thuê đất trụ sở	4. Có trụ sở và đất trụ sở là đất được giao cho HTX	
7	Tổng số vốn sử dụng để đầu tư cho sản xuất của HTX trong năm vừa qua	1. Dưới 100 triệu	2. Từ 100 đến 300 triệu	3. Từ 300 triệu đến 700 triệu	4. Trên 700 triệu	Bao gồm cả vốn của HTX và của thành viên
8	Tình trạng sản xuất kinh doanh của HTX trong năm vừa qua	1. Chưa có lãi	2. Lãi ở mức dưới 10%	3. Lãi từ 10% đến 30%	4. Lãi trên 30%	
9	Nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực của HTX về:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	

Mẫu B.1: Kết quả đánh giá về Xây dựng thương hiệu

#	Các thông tin liên quan	Các lựa chọn phục vụ đánh giá				Chú chú
1	Xây dựng thương hiệu					
1	Đơn vị mình đã nhận được hỗ trợ xây dựng thương hiệu từ các chương trình, dự án, chính sách hoặc đo lường xây dựng thương hiệu bao giờ chưa?	1. Chưa nhận được hỗ trợ bao giờ	2. Đã nhận được hỗ trợ từ chương trình/dự án/chính sách	3. Đã tự xây dựng mọi phần thương hiệu	4. Đã xây dựng xong thương hiệu và cơ bản và khá hài lòng	Xây dựng thương hiệu bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau như có thông tin/slogan thức về thị trường, xác định được phân khúc thị trường mục tiêu, thiết kế và đăng ký nhãn hiệu, tạo nhận cho sản phẩm, xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu và triển khai.
2	Nếu đơn vị đã xây dựng/nhận được hỗ trợ về xây dựng thương hiệu, việc áp dụng thương hiệu đã mang lại hiệu quả, tác động gì?	1. Chưa tăng được doanh thu/chưa có đơn hàng mới	2. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới dưới 10%	3. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới từ 10% đến 30%	4. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới trên 30%	Nếu đơn vị đã làm nhận diện thương hiệu, xin tóm tắt ở đây (ví dụ làm theo nhận...): ..... .....
		1. Chưa mở rộng qui mô sản xuất	2. Đã mở rộng qui mô sản xuất dưới 10%	3. Đã mở rộng qui mô sản xuất từ 10%-30%	4. Đã mở rộng qui mô sản xuất trên 30%	
		1. Chưa tăng năng suất	2. Đã tăng năng suất dưới 10%	3. Đã tăng năng suất từ 10% đến 30%	4. Đã tăng năng suất trên 30%	
		1. Chưa tạo thêm việc làm	2. Đã tạo thêm việc làm dưới 10%	3. Đã tạo thêm việc làm từ 10% đến 30%	4. Đã tạo thêm việc làm trên 30%	
		1. Chưa tăng được lợi nhuận gì	2. Tăng tổng lợi nhuận dưới 10%	3. Tăng tổng lợi nhuận từ 10% đến 30%	4. Tăng tổng lợi nhuận trên 30%	



#	Các thông tin liên quan	Các lựa chọn phục vụ đánh giá				Ghi chú
		1. Chưa có/Còn yếu	2. Trung Bình	3. Khá	4. Rất tốt	
3	Hiện trạng việc xây dựng thương hiệu cho sản phẩm của tổ nhóm					
4	Các khó khăn vướng mắc và nhu cầu trong việc xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.	1. Hiệu chưa có nhu cầu (có thể do sản phẩm quy mô nhỏ, ko cần thiết hoặc đã có thương hiệu rồi)	2. Chưa có kiểm thức/chiến lược/biệt lập như thế nào/chống rõ đơn vị nào hỗ trợ/hu vấn	3. Đã tiến hành làm/dăng ký song chưa thành công/ chưa xong	4. Đã có song còn yếu/chưa hài lòng/truốn cái thiện nữa	
5	Đề xuất nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực về xây dựng thương hiệu:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ nâng cao năng lực sau đó tự làm thương hiệu</li> <li>Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để làm thương hiệu</li> <li>Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách</li> <li>Hỗ trợ nâng cao năng lực và một phần kinh phí.</li> </ul>					Mỗi mức nhu cầu chỉ được lựa chọn 1 chi để nâng cao năng lực/hỗ trợ. Ví dụ nếu chủ đề "Hỗ trợ nâng cao năng lực sau đó tự làm thương hiệu" được đánh giá là có nhu cầu hỗ trợ cao nhất (xếp ở mức 4) thì các chủ đề khác sẽ không được xếp ở mức này.

17

## Phản Thảo luận

*Các đại biểu đóng góp ý kiến cho Bộ công cụ dành cho tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã do nữ làm chủ, đồng làm chủ*

18

**Bộ công cụ  
theo dõi, đánh giá tác động, hiệu quả của hoạt  
động hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ.  
(Dành cho các cấp Hội).**

19



**MỤC ĐÍCH TÀI LIỆU**

Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu và xây dựng, hoàn chỉnh 01 bộ công cụ dành cho cán bộ Hội các cấp để theo dõi, đánh giá tác động, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.



20



## MỤC TIÊU CỤ THỂ

### Mục tiêu cụ thể: Giúp các cấp Hội

1. Theo dõi được quá trình triển khai các hoạt động hỗ trợ ứng dụng KHCN cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, HTX có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ;

2. Đánh giá được tác động, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ ứng dụng KHCN cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, HTX có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS;

3. Đánh giá được hiện trạng và những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai dự án tại các vùng địa bàn dự án theo đúng CTMTQG.



21



## ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU

Cán bộ Hội LHPN các cấp, bao gồm:

- Cán bộ Hội LHPN Trung ương;
- Cán bộ Hội LHPN các tỉnh / thành phố thuộc các địa bàn triển khai dự án 8;
- Cán bộ Hội LHPN các huyện, xã thuộc các địa bàn triển khai Dự án 8.



22



## CÁC NỘI DUNG THEO DỐI ĐÁNH GIÁ

### Đánh giá công tác tổ chức thực hiện

Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong Hoạt động so với các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt



23



## CÁC NỘI DUNG THEO DỐI ĐÁNH GIÁ

### Đánh giá tác động của hoạt động trong CTMTQG DTTS&MN

Tác động đến hiệu quả kinh doanh của các đơn vị đối với hoạt động hỗ trợ



24



## CÁC NỘI DUNG THEO DÕI ĐÁNH GIÁ

### Đánh giá chi tiết hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ

Đánh giá hiệu quả hỗ trợ của từng khía cạnh ứng dụng KHCCN tác động đến các mô hình để rút ra các bài học kinh nghiệm trong việc lựa chọn các khía cạnh hỗ trợ.



25



## CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG

### Đánh giá công tác tổ chức thực hiện

Chỉ số chính 1.1	Chỉ số chính 1.2	Chỉ số chính 1.3
Tỷ lệ giữa số lượng mô hình phù hợp với điều kiện trên tổng số mô hình khảo sát.	Chỉ số chính 1.2: Tỷ lệ giữa số lượng mô hình phù hợp với điều kiện trên tổng số chỉ tiêu được giao	Chỉ số chính 1.3: Tỷ lệ giữa số lượng mô hình được nhận hỗ trợ trên tổng số chỉ tiêu được giao.



26



## CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG

### Đánh giá tác động của hoạt động trong CTMTQG DTTS&MN

Chỉ số chính 2.1	Chỉ số chính 2.2	Chỉ số chính 2.3	Chỉ số chính 2.4	Chỉ số chính 2.5
Số lượng đơn vị có sự cải thiện về kinh doanh	Mức độ cải thiện về kinh doanh	Số người có thêm thu nhập	Tỷ lệ tăng trưởng thu nhập của nhóm người hưởng lợi	Số việc làm được tạo ra



27



## CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG

### Đánh giá chi tiết hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ

Chỉ số chính 3.1	Chỉ số chính 3.2	Chỉ số chính 3.3
Tỷ lệ giữa Số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ trong khía cạnh xây dựng thương hiệu	Tỷ lệ giữa Số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ Đăng ký tiêu chuẩn	Tỷ lệ giữa Số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ Truy xuất nguồn gốc và Quản lý chất lượng



28

**DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG  
VẤN ĐỀ CẤP THIẾT VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM**

**BỘ CÔNG CỤ  
THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, HIỆU QUẢ**

**CỦA HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
CHO CÁC TỔ NHÓM SINH KẾ, TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ CÓ PHỤ  
NỮ LÀM CHỦ HOẶC ĐỒNG LÀM CHỦ ĐỂ NÂNG CAO QUYỀN  
NĂNG KINH TẾ CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ**

*(Bộ công cụ dành cho các cấp Hội)*

**NĂM 2024**





## MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	3
Phần 1 - THÔNG TIN CHUNG .....	4
<b>1.1. BỐI CẢNH</b> .....	4
<b>1.2. MỤC TIÊU</b> .....	4
<b>1.3. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU</b> .....	5
<b>1.4. CĂN CỨ XÂY DỰNG TÀI LIỆU</b> .....	5
<b>1.5. KHÁI QUÁT VỀ GIÁM SÁT &amp; ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG</b> :.....	6
Phần 2 – NỘI DUNG THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ.....	7
<b>2.1. CÁC NỘI DUNG THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ</b> .....	7
2.1.1. Đánh giá công tác tổ chức thực hiện:.....	7
2.1.2. Đánh giá tác động của hoạt động trong CTMTQG DTTS&MN:.....	7
2.1.3. Đánh giá chi tiết hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ:.....	7
<b>2.2. CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ Ý NGHĨA</b> .....	7
<b>2.3. THU THẬP DỮ LIỆU</b> .....	8
2.3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu: .....	8
2.3.2. Công cụ, đối tượng thu thập dữ liệu: .....	9
Phần 3 – CÁC PHỤ LỤC .....	10
Phụ lục 01 – Mẫu biểu tổng hợp dành cho cấp xã và cấp huyện.....	10
Phụ lục 02 – Mẫu biểu tổng hợp dành cho cấp tỉnh và Trung ương Hội.....	34

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BDG	Bình đẳng giới
CTMTQG	Chương trình mục tiêu quốc gia
CTMTQG DTTS&MN	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
DTTS	Dân tộc thiểu số
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS&ĐG	Giám sát và đánh giá
LĐTĐ&XH	Lao động, Thương binh và Xã hội
LHPNVN	Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
TCTK	Tổng cục Thống kê
TKTĐTB	Tiết kiệm và tín dụng thôn bản
TMĐT	Thương mại điện tử
TNXG	Truy xuất nguồn gốc
TT&TT	Thông tin và truyền thông
UBND	Ủy ban nhân dân
VPĐP	Văn phòng Điều phối

## Phần 1 - THÔNG TIN CHUNG

### 1.1. BỐI CẢNH

Khoa học và công nghệ là một thành tố đóng vai trò rất quan trọng trong thúc đẩy nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất của người lao động, giảm chi phí, tạo lợi thế cạnh tranh. Tuy nhiên hiện nay, phụ nữ, đặc biệt phụ nữ nông thôn, phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, miền núi ít có điều kiện tập huấn về khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, phần lớn phụ nữ dân tộc thiểu số áp dụng kỹ thuật sản xuất lạc hậu, năng suất và sản lượng thấp.

Ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1719/QĐ - TTg về việc phê duyệt Chương mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025, trong đó có nội dung về “*Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số*” thuộc Dự án 8 “*Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết với phụ nữ và trẻ em*” giao Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (Hội LHPN Việt Nam) chủ trì triển khai.

Trong những năm qua, các cấp Hội LHPN Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ nhóm sinh kế có phụ nữ tham gia ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất và kết nối thị trường. Đặc biệt, những năm gần đây, trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, chuỗi tiêu thụ nông sản thực phẩm bị đứt gãy, Hội đã hỗ trợ hội viên, phụ nữ, bao gồm hội viên, phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào thương mại điện tử, nhằm kích cầu tiêu thụ sản phẩm hữu hiệu. Nhằm thực hiện dự án 8, các cấp Hội sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

Để đánh giá tác động, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ của các cấp Hội, qua đó rút ra các bài học kinh nghiệm, các đề xuất, Trung ương Hội tiến hành xây dựng **bộ công cụ dành cho các cấp Hội** để theo dõi, đánh giá tác động, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số cho các cấp Hội, qua đó giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động hỗ trợ.

### 1.2. MỤC TIÊU

#### *Mục tiêu tổng quát:*

Bộ công cụ **Theo dõi, đánh giá tác động, hiệu quả** dành cho cán bộ Hội các cấp được sử dụng để theo dõi, đánh giá tác động, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

**Mục tiêu cụ thể:** Giúp các cấp Hội:

- Theo dõi được quá trình triển khai các hoạt động hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ;
- Đánh giá được tác động, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số;
- Đánh giá được hiện trạng và những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai dự án tại các vùng địa bàn dự án theo đúng Chương trình mục tiêu quốc gia.

### **1.3. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU**

Cán bộ Hội LHPN các cấp, bao gồm:

- Cán bộ Hội LHPN Trung ương;
- Cán bộ Hội LHPN các tỉnh / thành phố thuộc các địa bàn triển khai dự án 8;
- Cán bộ Hội LHPN các huyện, xã thuộc các địa bàn triển khai Dự án 8.

### **1.4. CĂN CỨ XÂY DỰNG TÀI LIỆU**

- Sổ tay hướng dẫn hoạt động “Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số” do Trung ương Hội ban hành;
- Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/05/2022 của Ủy ban dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gọi tắt là Thông tư số 01/2022/TT-UBDT);
- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019;
- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng Quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG;
- Tài liệu hướng dẫn giám sát, đánh giá Dự án 8 và thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gọi tắt là Tài liệu hướng dẫn giám sát, đánh giá Dự án 8);
- Các văn bản có liên quan khác.

## 1.5. KHÁI QUÁT VỀ GIÁM SÁT & ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG:

**Theo dõi/Giám sát dự án:** là hoạt động thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tiến độ thực hiện dự án; tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm bảo dự án thực hiện đúng tiến độ trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định. Trọng tâm của giám sát là các chỉ số đầu ra của dự án.

*Chỉ số đầu ra:* cho biết dự án tạo ra được gì sau khi các hoạt động được hoàn thành. Ví dụ: số đơn vị được hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu; số đơn vị được tập huấn về quản lý chất lượng; số đơn vị được hỗ trợ tham gia sàn thương mại điện tử...

**Đánh giá dự án:** là hoạt động định kỳ theo kế hoạch nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của một dự án. Đánh giá dự án bao gồm: Đánh giá đầu kỳ, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, hoặc các đánh giá tác động các mô hình, hoạt động của dự án theo chuyên đề. Hoạt động đánh giá giúp cho cơ quan chủ dự án phát hiện những bất cập về thiết kế dự án, cơ chế tổ chức thực hiện dẫn đến rủi ro không đạt được kết quả và tác động như mong muốn, từ đó đưa ra những quyết định phù hợp để điều chỉnh. Trọng tâm của đánh giá là các chỉ số kết quả của dự án.

*Chỉ số kết quả:* cho biết những thay đổi mà dự án tạo ra cho người hưởng lợi/cộng đồng sau khi đối tượng này sử dụng đầu ra của dự án. Ví dụ: % đơn vị có sự cải thiện về doanh thu; số lao động tăng thêm sau khi được hỗ trợ...

## Phần 2 – NỘI DUNG THEO DỐI, ĐÁNH GIÁ

### 2.1. CÁC NỘI DUNG THEO DỐI, ĐÁNH GIÁ

#### 2.1.1. Đánh giá công tác tổ chức thực hiện:

- Đánh giá về tính phù hợp và khả thi của các văn bản pháp lý và tài liệu hướng dẫn so sánh với thực tế hiện trạng của các địa phương.
- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong Hoạt động so với các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### 2.1.2. Đánh giá tác động của hoạt động trong CTMTQG DTTS&MN:

- Tác động đến hiệu quả kinh doanh của các đơn vị và sự hài lòng đối với hoạt động hỗ trợ
- Tác động đến thu nhập nhóm đối tượng thụ hưởng: phụ nữ nhất là phụ nữ DTTS cũng như số việc làm tạo ra thêm.

#### 2.1.3. Đánh giá chi tiết hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ:

- Đánh giá hiệu quả hỗ trợ của từng khía cạnh ứng dụng KHCN tác động đến các mô hình để rút ra các bài học kinh nghiệm trong việc lựa chọn các khía cạnh hỗ trợ.

### 2.2. CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ Ý NGHĨA

STT	TÊN CHỈ SỐ	MÃ	Ý NGHĨA CỦA CHỈ SỐ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH
<b>I Kết quả công tác tổ chức thực hiện</b>				
1	Chỉ số chính 1.1	CSC1.1	Đại diện cho khả năng tìm kiếm được các mô hình phát triển phù hợp với yêu cầu của Hoạt động 2, Nội dung 2, dự án 8 trên địa bàn.	Tỷ lệ giữa số lượng mô hình phù hợp với điều kiện hỗ trợ trên tổng số mô hình khảo sát.
2	Chỉ số chính 1.2	CSC1.2	Đại diện cho tính khả thi của việc triển khai dự án tại một địa bàn cụ thể.	Tỷ lệ giữa số lượng mô hình phù hợp với điều kiện trên tổng số chỉ tiêu được giao
3	Chỉ số chính 1.3	CSC1.3	Đại diện cho mức độ hoàn thành nhiệm vụ so sánh với chỉ tiêu được giao.	Tỷ lệ giữa số lượng mô hình được nhận hỗ trợ trên chỉ tiêu được giao.
<b>II Đánh giá tác động của hoạt động trong CTMTQG DTTS&amp;MN</b>				
1	Chỉ số chính 2.1	CSC2.1	Số lượng đơn vị có sự cải thiện về kinh doanh	Sàng lọc các đơn vị có sự cải thiện về doanh thu
2	Chỉ số chính 2.2	CSC2.2	Mức độ cải thiện về kinh doanh	Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình hằng năm

STT	TÊN CHỈ SỐ	MÃ	Ý NGHĨA CỦA CHỈ SỐ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH
3	Chỉ số chính 2.3	CSC2.3	Số người có thêm thu nhập	Tổng số lao động làm việc tại các đơn vị có mức lương tăng
4	Chỉ số chính 2.3	CSC2.4	Tỷ lệ tăng trưởng thu nhập của nhóm người hưởng lợi	Tỷ lệ tăng trưởng mức lương trung bình hằng năm
5	Chỉ số chính 2.4	CSC2.5	Số việc làm được tạo ra	Tổng hợp số việc làm tạo ra thêm
<b>III</b>	<b>Hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ:</b>			
1	Chỉ số chính 3.1	CSC3.1	Mức độ hiệu quả trong hỗ trợ về Xây dựng thương hiệu	Tỷ lệ giữa số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ nội dung tương ứng
2	Chỉ số chính 3.2	CSC3.2	Mức độ hiệu quả trong hỗ trợ về Đăng ký tiêu chuẩn	
3	Chỉ số chính 3.3	CSC3.3	Mức độ hiệu quả trong hỗ trợ về Truy xuất nguồn gốc và Tập huấn QLCL	
4	Chỉ số chính 3.4	CSC3.4	Mức độ hiệu quả trong hỗ trợ về Tham gia thương mại điện tử	
5	Chỉ số chính 3.5	CSC3.5	Mức độ hiệu quả trong hỗ trợ về Kết nối các giải pháp Logistic và thanh toán điện tử	
6	Chỉ số chính 3.6	CSC3.6	Mức độ hiệu quả trong hỗ trợ về Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật khác	

## 2.3. THU THẬP DỮ LIỆU

### 2.3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu:

Dựa trên nhu cầu quản lý và yêu cầu về tính xác thực của dữ liệu, dữ liệu được thu thập theo 1 trong 2 phương pháp dưới đây:

- Dữ liệu được thu thập thông qua bản tự đánh giá ứng dụng Khoa học và Công nghệ của các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ.
- So sách kết quả tự đánh giá của các HTX/tổ nhóm lần đầu và lần tiếp theo.
- Phân tích, bổ sung từ nguồn tư liệu hiện đang có của đơn vị mình (ví dụ so sánh số đạt được với số chỉ tiêu được giao).

- Tổng hợp số liệu, phân tích hoặc đi đánh giá bổ sung cho kết quả đánh giá nếu cần thiết.

### **2.3.2. Công cụ, đối tượng thu thập dữ liệu:**

Công cụ, đối tượng thu thập dữ liệu được phân làm 4 cấp:

- Mẫu biểu tổng hợp dành cho cấp xã.
- Mẫu biểu tổng hợp dành cho cấp huyện.
- Mẫu biểu tổng hợp dành cho cấp tỉnh.

---

- Mẫu biểu tổng hợp dành cho cấp Trung ương.

Biểu mẫu thu thập và tổng hợp dữ liệu được nêu cụ thể trong phần Phụ lục.



**Phần 3 – CÁC PHỤ LỤC**

**Phụ lục 01 – Mẫu biểu tổng hợp dành cho cấp xã và cấp huyện**

Đơn vị:

Địa bàn:

Người tổng hợp:

SĐT/Email:

Ngày tổng hợp:

Tổng hợp thông tin chung:

	HTX	THT	Tổ nhóm sinh kế
Số lượng đơn vị (HTX/THT/tổ nhóm sinh kế do phụ nữ làm chủ/đồng làm chủ) trên địa bàn:			
Số đơn vị có đề xuất mô hình <b>phù hợp với điều kiện hỗ trợ</b> của dự án 8.			
Số đơn vị có mô hình <b>được hỗ trợ từ dự án 8</b> trong kỳ (giữa 2 kỳ đánh giá).			
Số đơn vị <b>tham gia đánh giá</b> (bao gồm cả các đơn vị đã được dự án 8 hỗ trợ và chưa được dự án 8 hỗ trợ).			
Số đơn vị <b>đã được dự án 8 hỗ trợ</b> tham gia đánh giá			

**Mẫu A1-B** (được tổng hợp từ mẫu A1 của Bộ công cụ theo dõi, đánh giá tác động, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ dành cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số).

Các thông tin cần tổng hợp từ các đơn vị tham gia đánh giá			
Số đơn vị tham gia đánh giá	HTX	THT	Tổ nhóm sinh kế
Tổng số lượng thành viên của các đơn vị	Tổng số/Nam/Nữ	Tổng số/Nam/Nữ	Tổng số/Nam/Nữ
Ghi số lượng các đơn vị có lĩnh vực kinh doanh chính dưới đây:			
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trồng trọt chăn nuôi/Nông lâm ngư nghiệp/chế biến sản phẩm nông nghiệp</li> <li>• Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp</li> <li>• Khác (thương mại và dịch vụ, giao thông vận tải, xây dựng, tín dụng ...vv)</li> </ul>			
Liệt kê sản phẩm sản xuất kinh doanh chính (sản phẩm chủ lực) của các đơn vị:			

**Mẫu A.2 - B: Hiện trạng cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị**

**Mẫu A2.1-B: Mẫu dành cho HTX**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị				Ghi chú
		1. Có HĐQT	2. Không có HĐQT	3. Có giám đốc kiêm nhiệm	4. Có giám đốc làm việc toàn bộ thời gian	
1	Ban quản trị-HĐQT HTX – Giám đốc HTX					
2	Ban kiểm soát HTX- Kế toán HTX	1. Ban kiểm soát chỉ có 1 người	2. Ban kiểm soát có nhiều hơn 1 người	3. Kế toán đi thuê/kế toán kiêm nhiệm	4. Kế toán toàn bộ thời gian	
3	Trụ sở của hợp tác xã	1. Trụ sở là nhà của một thành viên	2. Trụ sở thuê hộ gia đình/đơn vị mà không phải là thành viên HTX	3. Có trụ sở song thuê đất trụ sở	4. Có trụ sở và đất trụ sở là đất được giao cho HTX	
7	Tổng số vốn sử dụng để đầu tư cho sản xuất của HTX trong năm vừa qua.	1. Dưới 100 triệu	2. Từ 100 đến 300 triệu	3. Từ 300 triệu đến 700 triệu	4. Trên 700 triệu	
8	Tình trạng sản xuất kinh doanh của HTX trong năm vừa qua	1. Chưa có lãi	2. Lãi ở mức dưới 10%	3. Lãi ở mức đến 30%	4. Lãi trên 30%	
9	Nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực của HTX về:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao năng lực quản trị, quản lý cho HĐQT HTX và Giám đốc HTX</li> </ul>					

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị			Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao năng lực cho Ban kiểm soát</li> </ul>				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ tài chính/kế toán.</li> </ul>				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao năng lực về tuyên truyền, vận động thành viên</li> </ul>				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao năng lực khác (liên quan đến quản trị, quản lý HTX, ghi cụ thể)</li> </ul>				

**Mẫu A2.2-B: Mẫu dành cho THT**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị				Ghi chú
		1. Chưa có thỏa thuận hợp tác	2. Có thỏa thuận hợp tác song chi có chữ ký của tổ trưởng	3. Có thỏa thuận hợp tác viết thành văn bản song không có đủ chữ ký của các thành viên	4. Có thỏa thuận hợp tác viết thành văn bản và có đầy đủ chữ ký của các thành viên	
1	Thỏa thuận hợp tác					
2	THT đã đăng ký với chính quyền địa phương/với UBND xã.	1. Chưa đăng ký	2. Đã có KH đăng ký	3. Đã đăng ký	4. Khác (ghi rõ)	
3	Tổng số vốn sử dụng để đầu tư cho sản xuất của THT trong năm vừa qua.	1. Dưới 50 triệu	2. Từ 51 đến 100 triệu	3. Từ 100 triệu đến 300 triệu	4. Trên 300 triệu	
4		1. Chưa có lãi	2. Lãi ở mức dưới 10%	3. Lãi từ 10% đến 30%	4. Lãi trên 30%	
5	Nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực của THT về:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các qui định mới về THT của Luật HTX 2023</li> <li>Hỗ trợ qui trình thủ tục đăng ký với chính quyền địa phương</li> <li>Hỗ trợ xây dựng/điều chỉnh lại thỏa thuận hợp tác hoặc các cơ chế chia sẻ</li> </ul>					

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị			Ghi chú
	<p>công bằng quyền, trách nhiệm và lợi ích giữa các thành viên.</p>				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao năng lực về ghi chép số sách theo dõi tài chính, hoạt động kinh doanh</li> </ul>				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao năng lực khác liên quan đến quản trị, quản lý nhóm (ghi cụ thể)</li> </ul>				

**Mẫu A2.3-B: Mẫu dành cho tổ nhóm sinh kế**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị				Ghi chú
		1. Chưa có, chưa thảo luận về KH sản xuất kinh doanh chung	2. Có thảo luận song không có kế hoạch viết	3. Có kế hoạch ghi chép trên sổ tay của tổ trưởng	4. Có kế hoạch viết thành văn bản	
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh chung của cả tổ nhóm					
2	Tổng số vốn sử dụng để đầu tư cho sản xuất của tổ nhóm trong năm vừa qua	1. Dưới 50 triệu	2. Từ 51 đến 100 triệu	3. Từ 100 triệu đến 300 triệu	4. Trên 300 triệu	
3	Tình trạng sản xuất kinh doanh của tổ nhóm trong năm vừa qua	1. Chưa có lãi	2. Lãi ở mức dưới 10%	3. Lãi từ 10% đến 30%	4. Lãi trên 30%	
4	Nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực của tổ nhóm về:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có nhu cầu hỗ trợ đăng ký, nâng cấp sản xuất lên thành THPT</li> <li>• Hỗ trợ xây dựng/điều chỉnh lại thỏa thuận hợp tác sản xuất hoặc các cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng.</li> <li>• Nâng cao năng lực về ghi chép sổ sách theo dõi tài chính, hoạt động kinh doanh.</li> <li>• Nâng cao năng lực khác về quản trị, quản lý nhóm</li> </ul>					

**Mẫu B.1-B: Kết quả đánh giá về Xây dựng thương hiệu**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/THT/tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
I	Xây dựng thương hiệu	1. Chưa nhận được hỗ trợ bao giờ	2. Đã nhận được hỗ trợ từ chương trình/dự án/chính sách	3. Đã tự xây dựng một phần thương hiệu	4. Đã xây dựng xong thương hiệu về cơ bản và khá hài lòng	
1	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu từ các chương trình, dự án, chính sách hoặc do tự xây dựng thương hiệu.	1. Chưa tăng được doanh thu/chưa có đơn hàng mới	2. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới dưới 10%	3. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới từ 10% đến 30%	4. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới trên 30%	
2	Tác động, hiệu quả của việc áp dụng xây dựng thương hiệu	1. Chưa mở rộng qui mô sản xuất	2. Đã mở rộng qui mô sản xuất dưới 10%	3. Đã mở rộng qui mô sản xuất từ 10%-30%	4. Đã mở rộng qui mô sản xuất trên 30%	
		1. Chưa tăng năng suất	2. Đã tăng năng suất dưới 10%	3. Đã tăng năng suất từ 10% đến 30%	4. Đã tăng năng suất trên 30%	
		1. Chưa tạo thêm việc làm	2. Đã tạo thêm việc làm dưới 10%	3. Đã tạo thêm việc làm từ 10% đến 30%	4. Đã tạo thêm việc làm trên 30%	



#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/HTH/tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
		1. Chưa tăng được lợi nhuận gì	2. Tăng tổng lợi nhuận dưới 10%	3. Tăng tổng lợi nhuận từ 10% đến 30%	4. Tăng tổng lợi nhuận trên 30%	
3	Hiện trạng hiện nay về xây dựng thương hiệu cho sản phẩm của tổ nhóm	1. Chưa nâng cao thu nhập cho thành viên/người lao động	2. Nâng cao thu nhập dưới 10%	3. Nâng cao thu nhập từ 10% đến 30%	4. Nâng cao thu nhập trên 30%	
4	Các khó khăn vướng mắc và nhu cầu trong việc xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.	1. Chưa có nhu cầu (có thể do sản phẩm qui mô nhỏ, ko cần thiết hoặc đã có thương hiệu tốt)	2. Chưa có kiến thức/chưa biết làm như thế nào/không rõ đơn vị nào hỗ trợ/tư vấn	3. Đã tiến hành làm/đăng ký song chưa thành công/chưa xong	4. Đã có song còn yếu/chưa hài lòng/muốn cải thiện thêm	
5	Đề xuất nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực về xây dựng thương hiệu:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập huấn nâng cao năng lực về xây dựng thương hiệu</li> </ul>					

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/THT/tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tư vấn hỗ trợ/kèm cấp năng cao năng lực về xây dựng thương hiệu</li> </ul>					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để làm thương hiệu</li> </ul>					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc làm thương hiệu</li> </ul>					

**Mẫu B.2-B: Kết quả đánh giá về Đăng ký các tiêu chuẩn theo quy định**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/TH/Tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
II	Đăng ký các tiêu chuẩn theo quy định	1. Chưa nhận được hỗ trợ bao giờ	2. Đã nhận được hỗ trợ từ chương trình/dự án/chính sách	3. Đã tự đăng ký	4. Đã xây dựng và đăng ký xong và về cơ bản và khá hài lòng	
1	Các hỗ trợ đăng ký các tiêu chuẩn liên quan đến sản xuất kinh doanh/sản phẩm của đơn vị	1. Chưa tăng được doanh thu/chưa có đơn hàng mới	2. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới dưới 10%	3. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới từ 10% đến 30%	4. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới trên 30%	
2	Hiệu quả, tác động của việc áp dụng các tiêu chuẩn đã được đăng ký.	1. Chưa mở rộng qui mô sản xuất	2. Đã mở rộng qui mô sản xuất dưới 10%	3. Đã mở rộng qui mô sản xuất từ 10%-30%	4. Đã mở rộng qui mô sản xuất trên 30%	
		1. Chưa tăng năng suất	2. Đã tăng năng suất dưới 10%	3. Đã tăng năng suất từ 10% đến 30%	4. Đã tăng năng suất trên 30%	

		1. Chưa tạo thêm việc làm	2. Đã tạo thêm việc làm dưới 10%	3. Đã tạo thêm việc làm từ 10% đến 30%	4. Đã tạo thêm việc làm trên 30%
		1. Chưa tăng được lợi nhuận gì	2. Tăng tổng lợi nhuận dưới 10%	3. Tăng tổng lợi nhuận từ 10% đến 30%	4. Tăng tổng lợi nhuận trên 30%
		1. Chưa nâng cao thu nhập cho thành viên/người lao động	2. Nâng cao thu nhập dưới 10%	3. Nâng cao thu nhập từ 10% đến 30%	4. Nâng cao thu nhập trên 30%
3	Hiện trạng việc xây dựng /đăng ký tiêu chuẩn cho sản phẩm/sản xuất kinh doanh của đơn vị mình	1. Chưa có/Còn yếu	2. Trung Bình	3. Khá	4. Rất tốt
4	Các khó khăn vướng mắc và nhu cầu trong việc xây dựng/đăng ký tiêu chuẩn	1. Hiện chưa có nhu cầu (có thể do sản phẩm qui mô nhỏ, ko cần thiết hoặc đã có thương hiệu tốt)	2. Chưa có kiến thức/chưa biết làm như thế nào/không rõ đơn vị nào hỗ trợ/tư vấn	3. Đã tiến hành làm/đăng ký song chưa thành công/chưa xong	4. Đã có song còn yếu/chưa hài lòng/muốn cải thiện thêm
5	Đề xuất nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực về xây dựng/đăng ký tiêu chuẩn:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn nâng cao năng lực về xây dựng/đăng ký tiêu chuẩn</li> </ul>							
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực để xây dựng/đăng ký tiêu chuẩn</li> </ul>							
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để thực hiện việc xây dựng/đăng ký tiêu chuẩn.</li> </ul>							
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc xây dựng/đăng ký tiêu chuẩn.</li> </ul>							

**Mẫu B.3-B: Kết quả đánh giá về Xây dựng truy xuất nguồn gốc**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/THH/tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
III	Xây dựng truy xuất nguồn gốc	1. Chưa nhận được hỗ trợ bao giờ	2. Đã nhận được hỗ trợ từ chương trình/dự án/chính sách	3. Đã tự xây dựng	4. Đã xây dựng và đăng ký xong và vẽ cơ bản và khá hài lòng	
1	Các hỗ trợ về truy xuất nguồn gốc	1. Chưa tăng được doanh thu/chưa có đơn hàng mới	2. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới dưới 10%	3. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới từ 10% đến 30%	4. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới trên 30%	
2	Hiệu quả, tác động của việc thực hiện truy xuất nguồn gốc.	1. Chưa mở rộng qui mô sản xuất	2. Đã mở rộng qui mô sản xuất dưới 10%	3. Đã mở rộng qui mô sản xuất từ 10%-30%	4. Đã mở rộng qui mô sản xuất trên 30%	
		1. Chưa tăng năng suất	2. Đã tăng năng suất dưới 10%	3. Đã tăng năng suất từ 10% đến 30%	4. Đã tăng năng suất trên 30%	

		1. Chưa tạo thêm việc làm	2. Đã tạo thêm việc làm dưới 10%	3. Đã tạo thêm việc làm từ 10% đến 30%	4. Đã tạo thêm việc làm trên 30%
		1. Chưa tăng được lợi nhuận gì	2. Tăng tổng lợi nhuận dưới 10%	3. Tăng tổng lợi nhuận từ 10% đến 30%	4. Tăng tổng lợi nhuận trên 30%
		1. Chưa nâng cao thu nhập cho thành viên/người lao động	2. Nâng cao thu nhập dưới 10%	3. Nâng cao thu nhập từ 10% đến 30%	4. Nâng cao thu nhập trên 30%
3	Hiện trạng việc xây dựng /đăng ký truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm/sản xuất kinh doanh	1. Chưa có/Còn yếu	2. Trung Bình	3. Khá	4. Rất tốt
4	Các khó khăn vướng mắc và nhu cầu trong việc xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc	1. Hiện chưa có nhu cầu (có thể do sản phẩm qui mô nhỏ, ko cần thiết hoặc đã có thương hiệu tốt)	2. Chưa có kiến thức/chưa biết làm như thế nào/không rõ đơn vị nào hỗ trợ/tư vấn	3. Đã tiến hành làm/đăng ký song chưa thành công/chưa xong	4. Đã có song còn yếu/chưa hài lòng/muốn cải thiện thêm
5	Đề xuất nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực về xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn nâng cao năng lực về xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc.</li> <li>• Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực để xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc.</li> <li>• Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc.</li> <li>• Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc.</li> </ul>								



**Mẫu B.4-B: Kết quả đánh giá về Tham gia các sản giao dịch thương mại điện tử**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/HTH/tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
IV	Tham gia các sản giao dịch thương mại điện tử					
1	Các hỗ trợ tham gia sản thương mại điện tử	1. Chưa nhận được hỗ trợ bao giờ	2. Đã nhận được hỗ trợ từ chương trình/dự án/chính sách	3. Đã tự đăng ký tham gia	4. Đã tham gia và cơ bản là khá hài lòng	
2	Tác động, hiệu quả của việc tham gia sản thương mại điện tử	1. Chưa tăng được doanh thu/chưa có đơn hàng mới	2. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới dưới 10%	3. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới từ 10% đến 30%	4. Tăng doanh thu/tăng đơn hàng mới trên 30%	
		1. Chưa mở rộng qui mô sản xuất	2. Đã mở rộng qui mô sản xuất dưới 10%	3. Đã mở rộng qui mô sản xuất từ 10%-30%	4. Đã mở rộng qui mô sản xuất trên 30%	
		1. Chưa tăng năng suất	2. Đã tăng năng suất dưới 10%	3. Đã tăng năng suất từ 10% đến 30%	4. Đã tăng năng suất trên 30%	

		1. Chưa tạo thêm việc làm	2. Đã tạo thêm việc làm dưới 10%	3. Đã tạo thêm việc làm từ 10% đến 30%	4. Đã tạo thêm việc làm trên 30%	
		1. Chưa tăng được lợi nhuận gì	2. Tăng tổng lợi nhuận dưới 10%	3. Tăng tổng lợi nhuận từ 10% đến 30%	4. Tăng tổng lợi nhuận trên 30%	
		1. Chưa nâng cao thu nhập cho thành viên/người lao động	2. Nâng cao thu nhập dưới 10%	3. Nâng cao thu nhập từ 10% đến 30%	4. Nâng cao thu nhập trên 30%	
		1. Chưa có/Còn yếu	2. Trung Bình	3. Khá	4. Rất tốt	
		1. Hiện chưa có nhu cầu (có thể do sản phẩm qui mô nhỏ, cơ cấu thiết hoặc đã có thương hiệu tốt)	2. Chưa có kiến thức/chưa biết làm như thế nào/không rõ đơn vị nào hỗ trợ/tư vấn	3. Đã tiến hành làm/dăng ký song chưa thành công/chưa xong	4. Đã có song còn yếu/chưa hài lòng/muốn cải thiện thêm	
		1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	
3	Hiện trạng việc tham gia sản thương mại điện tử của đơn vị					
4	Các khó khăn vướng mắc và nhu cầu trong việc tham gia sản thương mại điện tử					
5	Đề xuất nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực về tham gia sản thương mại điện tử:					

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn nâng cao năng lực về tham gia sản thương mại điện tử</li> </ul>						
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực để tham gia sản thương mại điện tử</li> </ul>						
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để tham gia sản thương mại điện tử</li> </ul>						
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc tham gia sản thương mại điện tử.</li> </ul>						

**Mẫu B.5-B: Kết quả đánh giá về Dịch vụ hỗ trợ và thanh toán điện tử**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/THHT/tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
V	<b>Kết nối với các giải pháp dịch vụ hỗ trợ (logistics) và thanh toán điện tử/số hóa hệ thống tài chính</b>					
1	Dịch vụ hỗ trợ/logistic đang sử dụng.	1. Tự làm trên 30% số lượng hàng hóa	2. Sử dụng phương tiện công cộng (ví dụ xe khách) cho trên 30% số lượng hàng hóa	3. Đã sử dụng các dịch vụ logistic chuyên nghiệp cho trên 30% số lượng hàng hóa	4. Sử dụng các loại hình khác cho trên 30% số lượng hàng hóa (ví dụ nhờ bạn bè)	
2	Mức độ hài lòng của đơn vị mình với các hệ thống logistic đang sử dụng	1. Hoàn toàn chưa hài lòng	2. Trung Bình	3. Khá hài lòng	4. Rất tốt, rất hài lòng	
3	Đề xuất nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực về sử dụng dịch vụ logistic <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hỗ trợ nâng cao năng lực sau đó tự làm</li> <li>• Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để làm</li> <li>• Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách</li> <li>• Hỗ trợ khác (xin nêu rõ)</li> </ul>	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	
4	Các hỗ trợ áp dụng thanh toán điện tử/số hóa hệ thống tài chính	1. Chưa nhận được hỗ trợ bao giờ	2. Đã nhận được hỗ trợ từ chương trình/dự	3. Đã tự xây dựng	4. Đã có và cơ bản là khá hài lòng	

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/THY/tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
		Tiết kiệm được thời gian, công sức	án/chính sách	Góp phần tăng lợi nhuận	Góp phần tăng vị thế của phụ nữ/khác (xin ghi rõ)	
5	Tác động, hiệu quả của việc áp dụng hệ thống thanh toán điện tử		2. Nhanh chóng, hiệu quả hơn			
6	Các khó khăn vướng mắc khi áp dụng thanh toán điện tử	1. Không có sóng internet	2. Chưa tự tin để sử dụng	3. Thiếu thiết bị hỗ trợ (ví dụ chưa có điện thoại phù hợp)	4. Hoàn toàn không gặp khó khăn gì	
7	Đề xuất nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực về thanh toán điện tử <ul style="list-style-type: none"> <li>Tập huấn nâng cao năng lực về Dịch vụ hỗ trợ (logistic) và thanh toán điện tử</li> <li>Tư vấn hỗ trợ/kèm cập năng cao năng lực để áp dụng Dịch vụ hỗ trợ (logistic) và thanh toán điện tử</li> <li>Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để hỗ trợ về Dịch vụ hỗ trợ (logistic) và thanh toán điện tử</li> <li>Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc áp dụng Dịch vụ hỗ trợ (logistic) và thanh toán điện tử.</li> </ul>	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	

**Mẫu B.6-B: Kết quả đánh giá về Áp dụng công nghệ tự động/tự động hóa, công nghệ xanh**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/TH/Tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
VI	Áp dụng công nghệ tự động/tự động hóa, công nghệ xanh (ví dụ sử dụng năng lượng mặt trời)					
1	Các hỗ trợ áp dụng các công nghệ tự động/công nghệ xanh	1. Chưa nhận được hỗ trợ bao giờ	2. Đã nhận được hỗ trợ từ chương trình/c dự án/chính sách	3. Đã tự áp dụng	4. Đã áp dụng và về cơ bản và khá hài lòng	
2	Hiệu quả, tác động của việc áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh	1. Tiết kiệm thời gian	2. Cải thiện môi trường làm việc và môi trường xung quanh	3. Đã góp phần tăng lợi nhuận	4. Góp phần tăng vị thế của phụ nữ/khác (xin ghi rõ)	
3	Các khó khăn vướng mắc và nhu cầu trong việc áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh	1. Hiện chưa có nhu cầu (có thể do sản phẩm qui mô nhỏ, ko cần thiết hoặc điều kiện ở địa phương không phù hợp)	2. Chưa có kiến thức/chưa biết làm như thế nào/không rõ đơn vị nào hỗ trợ/tư vấn	3. Đã tiến hành làm song chưa thành công/chưa xong	4. Đã có song còn yếu/chưa hài lòng/muốn cải thiện thêm	
4	Đề xuất nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực về áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập huấn năng cao năng lực về áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh</li> <li>Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực để áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh</li> </ul>					

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh.</li> <li>Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh.</li> </ul>								

**Mẫu C.1-B: Kết quả đánh giá về Các năng lực, kỹ năng liên quan**

#	Các thông tin liên quan	Ghi số lượng đơn vị (số HTX/THH/tổ nhóm sinh kế)				Ghi chú
		1. Chưa được hỗ trợ bao giờ	2. Kỹ năng quản lý, lãnh đạo	3. Kỹ năng truyền thông, giao tiếp, bán hàng	4. Tuyên truyền, vận động, thúc đẩy sự tham gia của các thành viên.	
1	Các hỗ trợ nâng cao năng lực về kỹ năng					
2	Tác động, hiệu quả của việc hỗ trợ	1. Tiết kiệm thời gian, làm việc hiệu quả hơn	2. Cải thiện mối quan hệ với đối tác, đồng nghiệp	3. Đã góp phần tăng lợi nhuận	4. Góp phần tăng vị thế của phụ nữ/khác (xin ghi rõ)	
3	Đề xuất nhu cầu hỗ trợ, nâng cao năng lực về kỹ năng:	1. Có nhu cầu ở mức thấp	2. Có nhu cầu ở mức trung Bình	3. Có nhu cầu khá cao	4. Rất cần, có nhu cầu ở mức cao	
	• Kỹ năng quản lý, lãnh đạo					
	• Kỹ năng truyền thông, giao tiếp, bán hàng					
	• Kỹ năng tuyên truyền, vận động, thúc đẩy sự tham gia của các thành viên.					
	• Kỹ năng khác (xin nêu rõ)					



**Phụ lục 02 – Mẫu biểu tổng hợp dành cho cấp tỉnh và Trung ương Hội**

Đơn vị:

Địa bàn:

Người tổng hợp:

SĐT/Email:

Ngày tổng hợp:

**Tổng hợp thông tin chung:**

Số đơn vị (HTX/THT/tổ nhóm sinh kế do phụ nữ làm chủ/đồng làm chủ) trên địa bàn các tỉnh	HTX	THT	Tổ nhóm sinh kế
Số đơn vị có đề xuất mô hình phù hợp với điều kiện hỗ trợ của dự án 8.			
Số đơn vị có mô hình được hỗ trợ từ dự án 8 trong kỳ (giữa 2 kỳ đánh giá).			
Số đơn vị tham gia đánh giá (bao gồm cả các đơn vị đã được dự án 8 hỗ trợ và chưa được dự án 8 hỗ trợ).			
Số đơn vị đã được dự án 8 hỗ trợ tham gia đánh giá			

**Tổng hợp các kết quả/chỉ tiêu đánh giá**

STT	CHỈ SỐ	HTX	THT	Tổ nhóm sinh kế	TỔNG	GHI CHÚ
I	Kết quả công tác tổ chức thực hiện					
1	Chỉ số chính 1.1					
2	Chỉ số chính 1.2					
3	Chỉ số chính 1.3					
II	Đánh giá tác động của hoạt động					
1	Chỉ số chính 2.1	Số lượng đơn vị có sự cải thiện về kinh doanh trong:				
		• XD thương hiệu				
		• Đăng ký tiêu chuẩn				
		• Truy xuất nguồn gốc				
		• Tham gia sàn thương mại điện tử				
		• Thanh toán điện tử				
		• Tự động hóa				
2	Chỉ số chính 2.2	Mức độ cải thiện về kinh doanh				Tăng doanh thu, mở rộng qui mô sản xuất, tăng năng suất.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• XD thương hiệu</li> <li>• Đăng ký tiêu chuẩn</li> <li>• Truy xuất nguồn gốc</li> <li>• Tham gia sản thương mại điện tử</li> <li>• Thanh toán điện tử</li> <li>• Tự động hóa</li> </ul>														% tăng doanh thu, mở rộng qui mô sản xuất, tăng năng suất.
3	Chỉ số chính 2.3	Số người có thêm thu nhập do tác động của:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• XD thương hiệu</li> <li>• Đăng ký tiêu chuẩn</li> <li>• Truy xuất nguồn gốc</li> <li>• Tham gia sản thương mại điện tử</li> <li>• Thanh toán điện tử</li> <li>• Tự động hóa</li> </ul>												
4	Chỉ số chính 2.4	Số việc làm được tạo ra do tác động của:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• XD thương hiệu</li> <li>• Đăng ký tiêu chuẩn</li> <li>• Truy xuất nguồn gốc</li> </ul>												

		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tham gia sản thương mại điện tử</li> <li>• Thanh toán điện tử</li> <li>• Tự động hóa</li> </ul>									
<b>III</b>	<b>Hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ</b>										<b>Số đơn vị có thay đổi tích cực (xem phần tác động ở tr/tổng số</b>
1	Chỉ số chính 3.1	Tỷ lệ giữa số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ trong Xây dựng thương hiệu									
2	Chỉ số chính 3.2	Tỷ lệ giữa số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ trong Đăng ký tiêu chuẩn									
3	Chỉ số chính 3.3	Tỷ lệ giữa số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ trong Truy xuất nguồn gốc									
3	Chỉ số chính 3.4	Tỷ lệ giữa số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ trong Tham gia sản thương mại điện tử.									
5	Chỉ số chính 3.5	Tỷ lệ giữa số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ trong Thanh toán điện tử.									

6	Chỉ số chính 3.6	Tỷ lệ giữa số đơn vị được hỗ trợ hiệu quả trên tổng số đơn vị được hỗ trợ trong Tự động hóa				
IV	<b>Tổng hợp các nhu cầu về nâng cao năng lực/hỗ trợ (ưu tiên cao nhất)</b>		<b>Số đơn vị đề xuất</b>			
1	Xây dựng thương hiệu					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn nâng cao năng lực về xây dựng thương hiệu</li> </ul>					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực về xây dựng thương hiệu</li> </ul>					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để làm thương hiệu</li> </ul>					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc làm thương hiệu</li> </ul>					
2	Đăng ký tiêu chuẩn					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn nâng cao năng lực về xây dựng/dăng ký tiêu chuẩn</li> </ul>					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực để xây dựng/dăng ký tiêu chuẩn</li> </ul>					
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để thực hiện việc xây dựng/dăng ký tiêu chuẩn.</li> </ul>					

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc xây dựng/đăng ký tiêu chuẩn.</li> </ul>								
<b>3</b>	<b>Truy xuất nguồn gốc</b>								
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập huấn nâng cao năng lực về xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc.</li> </ul>								
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực để xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc.</li> </ul>								
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc.</li> </ul>								
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc xây dựng/đăng ký truy xuất nguồn gốc.</li> </ul>								
<b>4</b>	<b>Tham gia sàn thương mại điện tử</b>								
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập huấn nâng cao năng lực về tham gia sàn thương mại điện tử</li> </ul>								
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực để tham gia sàn thương mại điện tử</li> </ul>								
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để tham gia sàn thương mại điện tử</li> </ul>								
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc tham gia sàn thương mại điện tử.</li> </ul>								

5	<p>Logistic - Thanh toán điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn nâng cao năng lực về Dịch vụ hỗ trợ (logistic) và thanh toán điện tử</li> <li>• Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực để áp dụng Dịch vụ hỗ trợ (logistic) và thanh toán điện tử</li> <li>• Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để hỗ trợ về Dịch vụ hỗ trợ (logistic) và thanh toán điện tử</li> <li>• Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc áp dụng Dịch vụ hỗ trợ (logistic) và thanh toán điện tử.</li> </ul>																				
6	<p>Tự động hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn nâng cao năng lực về áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh</li> <li>• Tư vấn hỗ trợ/kèm cặp nâng cao năng lực để áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh</li> <li>• Hỗ trợ kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ để áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh.</li> <li>• Hỗ trợ tiếp cận các chính sách để nhận hỗ trợ từ chính sách phục vụ cho việc áp dụng công nghệ tự động/công nghệ xanh.</li> </ul>																				
7	<p>Nâng cao năng lực về các kỹ năng</p>																				

						<ul style="list-style-type: none"><li>• Kỹ năng quản lý, lãnh đạo</li></ul>				
						<ul style="list-style-type: none"><li>• Kỹ năng truyền thông, giao tiếp, bán hàng</li></ul>				
						<ul style="list-style-type: none"><li>• Kỹ năng tuyên truyền, vận động, thúc đẩy sự tham gia của các thành viên.</li></ul>				
						<ul style="list-style-type: none"><li>• Kỹ năng khác (xin nêu rõ)</li></ul>				



